

PHỤ LỤC 1B: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN BIỂN VÀ CỬA SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026
(chi tiết đến thôn)

TT	Thôn, xã	Tổng số dân phải sơ tán				Số dân trong phạm vi cách bờ biển dưới 200 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		(17)
		=(5)+(9)+(13))	=(6)+(10)+(14))	=(7)+(11)+(15))	=(8)+(12)+(16))														
	TỔNG	19.047	78.059	18.498	77.991	4.120	15.709	2.482	9.896	8.808	35.564	3.725	15.350	6.119	26.786	#####	52.745		
1	Phường Sầm Sơn	2.291	9.468	3.095	11.836	697	2.618	258	1.303	351	1.375	845	3.394	1.243	5.475	1.992	7.139		
	TDP Vinh Sơn	354	1328	708	2656	354	1328					354	1328			354	1328	Nhà cao tầng	
	TDP Sơn Hải			172	690											172	690		
	TDP Bắc Nam			180	606											180	606		
	TDP Thành Ngọc			155	583											155	583		
	TDP Thành Thắng	19	110	257	733	2	5	8	12	5	12	93	253	12	93	156	468	Trường Cấp 1; Cấp 2	
	TDP Hồng Thắng	28	88	169	492	5	12	19	42	7	15	59	177	16	61	91	273		
	TDP Tiến Lợi	14	40	202	670	2	6	6	22	5	14	73	279	7	20	123	369		
	TDP Hải Thành	563	2769	14	68	112	403	6	24	76	266	2	8	375	2100	6	36	Nhà cao tầng	
	TDP Khánh Sơn	373	1306	5	18	20	70			45	158			308	1078	5	18		
	TDP Lập Công	331	1328	54	216	20	82	5	20	21	84	4	16	290	1162	45	180		
	TDP Hòa Sơn	306	1226	14	56	75	302	2	9	60	240	3	12	171	684	9	35	Trường Tiểu học 1	
	TDP Nam Hải	110	443	317	814	48	186	12	46	52	200	20	78	10	57	285	690		
	TDP Bắc Kỳ	84	394	320	1302	32	142	10	42	40	190	17	77	12	62	293	1183	Trường Tiểu học 2	
	TDP Trung Kỳ	109	436	528	2932	27	82	190	1086	40	196	220	1166	42	158	118	680		
2	Phường Nam Sầm Sơn	1.396	6.074	2.396	10.097	660	2.688	209	928	736	3.386	2.187	9.169						
	TDP. Quang Minh	120	440	160	670	80	250	50	220	40	190	110	450					Hội trường UBND phường; các điểm trường, các nhà cao tầng của nhân dân các Tổ dân phố phía tây đường 4C trên địa bàn phường	
	TDP. Thanh Minh	139	550	134	572	103	410	34	152	36	140	100	420						
	TDP. Hồng Hải	181	752	160	650	121	502	40	170	60	250	120	480						
	TDP. Đồng Đức	160	644	155	640	115	460	25	90	45	184	130	550						
	TDP. Tây Nam	154	682	130	560	104	470	30	140	50	212	100	420						
	TDP. Nam Bắc	159	710	150	686	109	470	30	156	50	240	120	530						
	TDP 1 Đại Hùng	18	80	277	1218	18	80					277	1218						
	TDP 2 Đại Hùng	10	46	285	1312	10	46					285	1312						
	TDP 3 Đại Hùng			289	1138							289	1138						
	TD 4 Đại Hùng			242	1021							242	1021						
	TDP Phú Xá	255	1140	174	670					255	1140	174	670						
	TDP Thủ Phú	200	1030	240	960					200	1030	240	960						
3	Phường Tĩnh Gia			33	118			33	118										
	Thượng Hải			1	5			1	5									Nhà văn hóa, một số hộ dân là anh em, người thân của hộ phải sơ tán	
	Quang Minh			4	12			4	12										
	Sơn Hải			23	90			23	90										
	Giang Sơn			4	8			4	8										
	Đồng Hải			1	3			1	3										
4	Phường Nghi Sơn			419	1.400			419	1.400										
	Thanh Sơn			14	51			14	51									Công sở Đảng ủy, trường tiểu học, trường mầm non (trên địa bàn xã Nghi Sơn cũ) và khu dân cư trên địa bàn tổ dân phố	
	Nam Sơn			95	367			95	367										
	Bắc Sơn			67	243			67	243										
	Trung Sơn			32	116			32	116										
	Hà Thành			98	239			98	239									Trường Tiểu học, THCS, mầm non (P.Hải Thượng cũ), nhà nghỉ, khách sạn, khu dân cư trên địa bàn	
	Hà Đông			50	169			50	169										
	Hà Nam			63	215			63	215										
5	Phường Ngọc Sơn	557	1.678	457	1.366	325	858	277	777	154	524	143	492	78	296	37	97		
	TDP Đồng Minh	62	215	48	174	40	125	33	119	15	58	10	44	7	32	5	11	Trường THCS Hải Ninh	

TT	Thôn, xã	Tổng số dân phải sơ tán				Số dân trong phạm vi cách bờ biển dưới 200 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		(17)
		= $(5)+(9)+(13)$	= $(6)+(10)+(14)$	= $(7)+(11)+(15)$	= $(8)+(12)+(16)$														
	TDP Thanh Bình	63	215	45	157	38	120	30	114	17	66	12	36	8	29	3	7	Trường Tiểu học Hải Châu	
	TDP Bắc Thành	61	185	21	72	36	84	1	7	16	56	17	56	9	45	3	9	Các nhà cao tầng trong TDP	
	TDP Bắc Châu	59	158	113	195	35	76	93	113	16	58	15	70	8	24	5	12	BCH QS phường	
	TDP Nam Châu	58	164	29	81	34	80	10	19	15	46	16	52	9	38	3	10	Trường THCS Hải Châu	
	TDP Liên Thành	59	166	52	217	32	79	32	150	17	54	17	55	10	33	3	12	Trường MN Hải Châu	
	TDP Liên Hải	68	196	59	186	37	98	36	116	20	64	18	58	11	34	5	12	Nhà VH TDP Liên Hải	
	TDP Đông Thắng	65	199	40	130	38	110	15	50	19	60	20	67	8	29	5	13	Nhà VH TDP Đông Thắng	
	TDP Yên Châu	62	180	46	143	35	86	23	78	19	62	18	54	8	32	5	11	Trường Tiểu học Hải Châu	
	TDP Hạnh Phúc			4	11			4	11										
6	Phường Tân Dân	364	1.323	16	65			16	65	143	467			221	856				
	Hồ Thượng	73	276	8	29			8	29	33	126			40	150			NVH TDP	
	Hồ Trung	36	112	5	22			5	22	31	94			5	18			Trụ sở UBND	
	Hồ thịnh	33	116	2	10			2	10	19	65			14	51			NVH Hồ Thịnh	
	TDP 1	112	439	1	4			1	4	22	65			90	374			Trường học	
	TDP 2	110	380	0	0					38	117			72	263				
7	Phường Hải Linh	368	1.329			19	68			349	1.261								
	TDP Quang Trung	41	149			2	7			39	142							Trường Tiểu học và THCS Hải Linh, Ninh Hải; các Nhà Văn hóa và các nhà cao tầng, kiên cố của các hộ dân	
	TDP Đại Tiến	25	86			1	3			24	83								
	TDP Đại Quang	14	58			4	18			10	40								
	TDP Hồng Phong	2	13							2	13								
	TDP Phú Đông	57	197			3	12			54	185								
	TDP Đại Thắng	31	119			2	11			29	108								
	TDP Sơn Hải	76	246			6	14			70	232								
	TDP Thống Nhất	122	461			1	3			121	458								
8	Phường Hải Bình			646	2.758			646	2.758										
	Tân Vinh			60	287			60	287									Trường Mầm non, Trung học, Tiểu học Hải Bình và các nhà văn hóa tổ dân phố	
	Nam Hải			94	250			94	250										
	Liên Hưng			65	312			65	312										
	Liên Thịnh			75	370			75	370										
	Liên Đình			90	440			90	440										
	Liên Vinh, Thắng Hải			203	842			203	842									Trường tiểu học, trung học Tỉnh Hải và các nhà văn hóa tổ dân phố	
	Trung Sơn			50	230			50	230									Nhà văn hóa	
	Bắc Yên			9	27			9	27										
9	Xã Nga Sơn	188	680	57	208									188	680	57	208		
	Đô Lương	20	56	-	-									20	56				
	Hoàng Long	10	35	-	-									10	35				
	Bạch Hải	34	114	13	44									34	114	13	44	Công sở xã Nga Hiệp (cũ), Trường THCS Nga Bạch	
	Bạch Đằng	32	129	13	53									32	129	13	53	Công sở xã Nga Hiệp (cũ), Trường THCS Nga Bạch	
	Bạch Thắng	16	48	14	44									16	48	14	44	Công sở xã Nga Hiệp (cũ), Trường THCS Nga Bạch	
	Bạch Hùng	46	195	17	67									46	195	17	67	Công sở xã Nga Hiệp (cũ), Trường THCS Nga Bạch	
	Đông Thái	21	68											21	68				
	Triệu Thành	9	35											9	35				
10	Xã Tân Tiến	151	309							44	88			107	221				
	Thôn 7	1	2											1	2				
	Thôn 8	1	2											1	2				
	Thôn 10	3	6											3	6				
	Thôn 11	6	12											6	12				
	Thôn 12	4	8											4	8				

TT	Thôn, xã	Tổng số dân phải sơ tán				Số dân trong phạm vi cách bờ biển dưới 200 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		(17)
		=(5)+(9)+(13))	=(6)+(10)+(14))	=(7)+(11)+(15))	=(8)+(12)+(16))														
	Thôn 13	1	2											1	2				
	Thôn 15	5	10											5	10				
	Thôn 16	4	15											4	15				
	Thôn 17	11	22							2	4			9	18				
	Thôn 18	6	12							4	8			2	4				
	Thôn 19	18	36							7	14			11	22				
	Thôn 20	26	52							18	36			8	16				
	Thôn 21	17	34							5	10			12	24				
	Thôn 22	24	48							6	12			18	36				
	Thôn 23	11	22							2	4			9	18				
	Thôn 24	10	20											10	20				
	Dân xã khác	3	6											3	6				
11	Xã Vạn Lộc	7.075	27.758	9.653	43.028	2.104	8.338			4.971	19.420					9.653	43.028		
	Đông Tân	140	545	279	1167	45	165			95	380					279	1.167	Xã Hoa Lộc (xã Quang Lộc cũ)	
	Đông Hải	181	644	144	501	60	160			121	484					144	501		
	NinhPhú	215	838	378	1495	80	298			135	540					378	1.495		
	Hùng Thành	60	240	122	601					60	240					122	601		
	Yên Lộc	85	340	280	1075					85	340					280	1.075		
	Yên Hòa	75	300	197	818					75	300					197	818	Xã Hoa Lộc (xã Liên Lộc cũ)	
	Mỹ Điền	60	240	164	634					60	240					164	634		
	Phú Lương	445	1784	645	2276	80	322			365	1462					645	2.276		
	Hưng Phú	357	1375	827	3315	172	690			185	685					827	3315		
	Yên Hòa	125	480	293	1155					125	480					293	1155		
	Kiến Long	120	453	300	1560					120	453					300	1560	Xã Hoa Lộc (xã Quang Lộc cũ)	
	Thắng Phúc	377	1135	520	2265	137	415			240	720					520	2265		
	Nam Vượng	383	1414	334	1750	126	643			257	771					334	1750		
	Bắc Thọ	450	1857	623	3352	185	797			265	1060					623	3352		
	Thắng Lộc	386	1500	413	2756	149	552			237	948					413	2756		
	Thành Lập	327	1638	507	2625	117	588			210	1050					507	2625	Xã Hậu Lộc (xã Lộc Sơn cũ)	
	Minh Thắng	254	975	548	2451	102	367			152	608					548	2451		
	Minh Thọ	499	2034	357	1639	151	642			348	1392					357	1639		
	Minh Hải	479	1372	404	1639	152	391			327	981					404	1639		
	Minh Đức	324	986	356	1536	101	317			223	669					356	1536		
	Tân Hải	303	1390	359	1575	80	365			223	1025					359	1575	Xã Hậu Lộc (Thị trấn và xã Mỹ Lộc cũ)	
	Đa Phan	265	1324	308	1442	65	337			200	987					308	1442		
	Lạch Trường	375	1508	207	932	125	528			250	980					207	932		
	Tân Lộc	280	1173	321	1359	68	294			212	879					321	1359		
	Lộc Tiên	293	1242	343	1355	68	296			225	946					343	1355		
	Y Bích	217	971	274	1195	41	171			176	800					274	1195		
	Trường Nam			150	560											150	560		
12	Xã Hoằng Châu	316	1.346											316	1.346				
	Châu Triều	316	1346											316	1346			Nhà văn hoá thôn; Các trụ sở cơ quan, trường học trên địa bàn xã Hoằng Châu	
13	Xã Hoằng Thanh	127	374	29	88	82	250	9	30	45	124	20	58						
	Đông Xuân Vi	35	95	9	30	35	95	9	30									Sơ tán đến Trường tiểu học Hoằng Thanh	
	Tân Xuân	25	99			25	99												
	Xuân Phụ	22	56			22	56												
	Tây Xuân Vi	3	3							3	3								
	Trung Hải	8	34							8	34								
	Liên Hà	5	8							5	8								
	Đông Tây Hải	15	41	10	22					15	41	10	22						
	Quang Trung	5	17	6	14					5	17	6	14						
	Đức Tiến	1	1	3	14					1	1	3	14						
	Đông Tiến	5	15	1	8					5	15	1	8						
	Lê Giang	1	2							1	2								
	Thắng Mười	2	3							2	3								

TT	Thôn, xã	Tổng số dân phải sơ tán				Số dân trong phạm vi cách bờ biển dưới 200 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung			
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		(17)
		=(5)+(9)+(13))	=(6)+(10)+(14))	=(7)+(11)+(15))	=(8)+(12)+(16))														
14	Xã Hoàng Tiến	879	3.588	274	1.115	130	505	46	157	238	896	170	697	511	2.187	58	261		
	Thôn Giang Sơn - Hoàng Trường (cũ)	46	196	15	54	20	70	12	40	5	24	2	11	21	102	1	3	Trạm Rada 510 Hải Quân	
	Thôn Linh Trường - Hoàng Trường	114	425	16	63	18	50	5	15	16	41	4	8	80	334	7	40		
	Thôn Liên Minh - Hoàng Trường (cũ)	162	703	26	90	33	162	11	33	39	141	11	34	90	400	4	23	Trường Mầm non Hoàng Trường	
	Thôn Hải Sơn - Hoàng Trường (cũ)	123	483	29	136	8	25	2	8	32	116	16	83	83	342	11	45		
	Thôn Thành Xuân - Hoàng Trường	179	781	19	112	9	39	6	29	10	42	4	18	160	700	9	65		
	Thôn 1 - Hoàng Trường (cũ)	61	220	8	43					30	90	4	26	31	130	4	17		
	Thôn Đại Trường - Hoàng Trường	28	134	8	25	9	47	1	2	11	40	4	12	8	47	3	11		
	Thôn Văn Phong - Hoàng Trường	28	117	9	24	8	42	3	5	9	35	2	9	11	40	4	10	Công sở HDND&UBND xã Hoàng Tiến	
	Thôn Thanh Xuân - Hoàng Hải (cũ)	52	162	101	397	25	70	6	25			80	325	27	92	15	47		
	Đông Thành - Hoàng Tiến (cũ)	51	205	17	56					51	205	17	56					Trường Mầm non Hoàng Tiến	
	Tiền Thôn - Hoàng Tiến (cũ)	35	162	26	115					35	162	26	115						
15	Xã Tiên Trang	2.772	12.956	721	3.067			516	2.185	657	2.894	205	882	2.115	10.062				
	Thôn Bắc	200	1012	48	178			33	130	52	202	15	48	148	810			Các nhà kiên cố, trường học	
	Thôn Trung	254	1148	30	125			30	125	20	82			234	1066				
	Thôn Thanh	208	1019	10	41			10	41	5	21			203	998				
	Thôn Bình	250	1083	47	189			47	189	43	173			207	910				
	Thôn Hòa	225	1070	43	175			36	145	54	218	7	30	171	852				
	Thôn Đông	267	1182	30	122			22	89	50	202	8	33	217	980				
	Thôn Hải	228	1086	50	205			43	174	228	1086	7	31						
	Thôn Thuận	164	779	79	319							79	319	164	779				
	Thôn Thắng	223	1055	50	204			40	162	35	143	10	42	188	912				
	Thôn Đức	255	1214	37	156			27	112	20	85	10	44	235	1129				
	Thôn Tiến	320	1526	36	153			22	96	15	62	14	57	305	1464				
	Thôn Tân	-	-	180	780			180	780										
	Tiền Thắng	-	-	4	26			4	26										
	Hồng Phong	19	60	37	178							37	178	19	60				
	Tiền Phong	24	102	18	100							18	100	24	102				
	Thạch Bắc	55	220	12	61			12	61	55	220								
	Thạch Nam	68	355	10	55			10	55	68	355								
	Hải Tiến	12	45	0	0					12	45								
16	Xã Quảng Ninh	285	1.207	652	2.683	85	311	3	13	200	896	155	658			494	2.012		
	Thôn 8	132	555	143	590	24	92	1	3	108	463	1	1			141	586	Trạm y tế, Các trường mầm non, trường trung học cơ sở, Trường tiểu học xã Quảng Ninh	
	Thôn 9	94	440	221	920	21	90			73	350	48	223			173	697		
	Thôn 10	59	212	288	1173	40	129	2	10	19	83	106	434			180	729		
17	Xã Quảng Bình	2.278	9.969	50	162	18	73	50	162	920	4.233			1.340	5.663				
	Thôn 1	165	704	2	10	2	9	2	10	30	130			133	565			Nhà người thân	
	Thôn 2	183	843	4	9	2	7	4	9	88	389			93	447				
	Thôn 3	189	852	3	11	2	8	3	11	91	394			96	450				
	Thôn 4	273	1313	2	5			2	5	120	591			153	722				
	Thôn 5	210	906	5	20	3	16	5	20	136	561			71	329				
	Thôn 6	255	1270	6	8			6	8	73	395			182	875				
	Thôn 7	252	1129	6	11			6	11	75	402			177	727				
	Thôn 8	262	753	8	27	4	16	8	27	97	388			161	349				
	Thôn 9	162	748	6	25	2	8	6	25	67	314			93	426				
	Thôn 10	167	750	4	20			4	20	72	338			95	412				
	Thôn Mậu Đông	160	701	4	16	3	9	4	16	71	331			86	361				

Phụ lục 2B: THÔNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐỀ VÀ ĐƯỢC QUY ĐỊNH CẤP BẢO ĐỘNG Lũ CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ Lũ, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026
(chi tiết đến thôn)

TT	Địa điểm	Triển sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu			
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)									
	TỔNG		#####	71.316	7.103	25.549	12.701	45.767	294	1.055	515	1.946	4.832	17.103	7.060	25.663	
1	Phường Nguyệt Viên		679	2.410	151	580	528	1.830			14	34	124	461	390	1.335	
	Phố Phương Đình 1 - P. Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	13	51			13	51					13	51			UBND Phường Tào Xuyên Cũ
	Phố Nghĩa Sơn 2 - P. Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	4	13			4	13					4	13			Chùa Giáp Hoa
	Phố 1 - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	20	78			20	78					20	78			NHà Văn Hóa Phố 1,2
	Phố 2 - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	7	35			7	35					7	35			Nhà Văn Hóa Phố
	Phố Thành Khang - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	4	13			4	13					4	13			Trường Mầm Non Hoàng Lý cũ
	Phố Yên Vực - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	26	74			26	74					26	74			Trường Cấp I,II
	Phố 5 - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	3	14			3	14					3	14			Nhà Văn Hóa Phố
	Phố 1 - P.Tào Xuyên (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	29	86			29	86			7	27			22	59	Trường THCS
	Phố 2 - P.Long Anh (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	30	123			30	123							30	123	Trường Tiểu học
	Phố 3 - P.Long Anh (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	11	36			11	36							11	36	Trường Mầm non
	Phố Nhữ Xá 1 - P.Long Anh (cũ)	Sông Lạch Trường (H Lạch Trường)	15	66			15	66					15	66			Hội trường phường
	Phố Quan Nội 1 - P.Long Anh (cũ)	Sông Lạch Trường (H Lạch Trường)	22	91			22	91					22	91			Trường Tiểu học
	Phố Quan nội 3 - P.Long Anh (cũ)	Sông Lạch Trường (H Lạch Trường)	4	16			4	16					4	16			
	Phù Quang - P.Hoảng Quang (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	55	246	55	246											Trường tiểu học nhà VH các thôn
	Vĩnh Trị 1 - P.Hoảng Quang (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	98	356	5	21	93	335							93	335	
	Vĩnh Trị 2 - P.Hoảng Quang	Sông Mã (tả sông Mã)	181	605	16	65	165	540							165	540	
	Vĩnh Trị 3 - P.Hoảng Quang (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	92	320	23	78	69	242							69	242	
	Nguyệt Viên 1 - P.Hoảng Quang (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	11	43	11	43											
	Nguyệt Viên 2 - Hoảng Quang	Sông Mã (tả sông Mã)	40	125	40	125											Nhà ở gia đình
	Nguyệt Viên 3 - P.Hoảng Quang	Sông Mã (tả sông Mã)	1	2	1	2											
	Cát lợi - Hoảng Đại (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	4	6			4	6			2	2	2	4			
	Sơn Hà - Hoảng Đại (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	6	7			6	7			5	5	1	2			
	Đồng Tiến - Hoảng Đại (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	1	1			1	1					1	1			
	Các Công ty, Doanh nghiệp - Hoảng Đại (cũ)	Sông Mã (tả sông Mã)	2	3			2	3					2	3			
2	Phường Hàm Rồng		2.224	7.220	1.941	6.497	283	723			19	40	196	551	68	132	
	TDP Thiệu Dương 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	28	88	15	54	13	34							13	34	Nhà nông thôn
	TDP Thiệu Dương 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	27	89	10	39	17	50							17	50	
	TDP Thiệu Dương 3	Sông Mã (hữu sông Mã)	7	23	4	15	3	8							3	8	
	TDP Thiệu Dương 4	Sông Mã (hữu sông Mã)	293	1115	271	1053	22	62					22	62			
	TDP Thiệu Dương 5	Sông Mã (hữu sông Mã)	209	754	123	475	86	279					86	279			
																	Nhà người thân

TT	Địa điểm	Triển sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu			
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)									
	TDP Thiệu Dương 6	Sông Mã (hữu sông Mã)	245	489	245	489										Nhà người thân	
	TDP Thiệu Dương 7	Sông Mã (hữu sông Mã)	290	1055	264	967	26	88				26	88				
	TDP Thiệu Dương 8	Sông Mã (hữu sông Mã)	269	797	261	781	8	16				8	16				
	TDP Thiệu Dương 9	Sông Mã (hữu sông Mã)	315	1074	300	1027	15	47				15	47				
	TDP Thiệu Dương 10	Sông Mã (hữu sông Mã)	271	914	264	903	7	11				7	11				
	Tiền Phong - P. Nam Ngạn (cũ)	Sông Mã (hữu sông Mã)	184	694	184	694										Nhà Văn hóa làng Đông Sơn và anh em đồng tộc	
	Làng Đông Sơn - P. Hàm Rồng (cũ)	Sông Mã (hữu sông Mã)	70	96			70	96			19	40	24	28	27		28
	Hàm Long - P. Hàm Rồng (cũ)	Sông Mã (hữu sông Mã)	16	32			16	32					8	20	8	12	Trường Mầm Non Hàm Rồng
3	Phường Quảng Phú		37	147	37	147											
	Phố 1	Sông Mã	4	16	4	16											
	Phố 2	Sông Mã	3	16	3	16											
	Hưng Thành	Sông Mã	30	115	30	115											
4	Phường Hạc Thành		494	1.882	267	966	227	916					44	189	183	727	
	Phố Xuân Minh	Sông Mã	72	246	57	126	15	120					7	25	8	95	Nhà văn hóa, trường TH2
	Phố Ái Sơn 2	Sông Mã	52	226	40	160	12	66					7	21	5	45	Nhà văn hóa, trường TH1,2
	Phố Sơn Vạn	Sông Mã	370	1410	170	680	200	730					30	143	170	587	Nhà văn hóa, trường TH1,2
5	Phường Đông Tiến		429	1.547	185	714	244	833					244	833			
	TDP Tân Giang - Tân Châu (cũ)	Sông Mã, Sông Chu	41	145			41	145					41	145			Nhà văn hóa
	TDP Yên Tân- Tân Châu (cũ)		4	18			4	18					4	18			
	Phố Phú An - Thiệu Khánh (cũ)		5	24			5	24					5	24			
	Phố Đại Khánh 3 - Thiệu Khánh (cũ)		3	17			3	17					3	17			Trường cấp 1, Đình Chành
	Phố Đình Xá - Thiệu Khánh (cũ)		111	336			111	336					111	336			
	Phố Giang T hanh - Thiệu Khánh (cũ)		167	643	87	350	80	293					80	293			Trường cấp 1, chùa Vòm
	Phố Thanh DƯơng 3 - Thiệu Khánh (cũ)	98	364	98	364	-	-										
6	Phường Sầm Sơn		210	919	127	547	83	372					83	372			
	TDP Vinh Phúc	Sông Mã	3	19			3	19					3	19			Nhà văn hóa TDP
	TDP Châu Lạc	Sông Mã	182	782	127	547	55	235					55	235			Trường cấp 2 Quảng Châu
	TDP Châu Giang	Sông Mã	25	118			25	118					25	118			Trường cấp 1 Quảng Châu
7	Phường Ngọc Sơn		116	415	44	169	72	246					72	246			
	TDP Tảo Sơn		18	77	6	21	12	56					12	56			Trụ sở BCH Quân sự phường; Các trường Mầm non, THCS, tiểu học trên địa bàn phường
	TDP Đồng Minh 2		16	66	8	26	8	40					8	40			
	TDP Sơn Hạ		82	272	30	122	52	150					52	150			
8	Xã Nga Thẳng		77	288	35	158	42	130							42	130	
	Thôn Đông Thành 2	Sông Lèn	2	4	2	4											Nhà văn hóa thôn
	Thôn Vi Mỹ	Sông Lèn	5	18	5	18											
	Thôn Hội Kê	Sông Lèn	1	2	1	2											
	Thôn Văn Hoàn	Sông Lèn	11	24			11	24							11	24	
	Thôn Giải Huân	Sông Lèn	2	7			2	7							2	7	
	Thôn Bảo Văn	Sông Lèn	1	2	1	2											
	Thôn 6 Thanh Lãng	Sông Lèn	55	231	26	132	29	99							29	99	
9	Xã Triệu Lộc		98	393	47	204	51	189							51	189	
	Thôn Phong Mục	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	16	72	11	48	5	24							5	24	Xen ghép với nhà người thân
	Thôn Châu Từ	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	12	55	8	39	4	16							4	16	
	Thôn Quyết Thắng	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	6	27	1	5	5	22							5	22	
	Thôn Phú Lý	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	24	76	10	42	14	34							14	34	

TT	Địa điểm	Triền sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu											
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)									
	Thôn Y Ngô	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	29	116	12	52	17	64							17	64	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ngọc Tri	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	11	47	5	18	6	29							6	29	
10	Xã Vạn Lộc		23	136			23	136					23	136			
	Kiến Long	Sông Lèn	23	136			23	136					23	136			Nhà văn hóa thôn
11	Xã Hậu Lộc		40	167	7	30	33	137	12	50	8	33	7	31	6	23	
	Thôn Điện Quang	Sông Lạch Trường	29	127	5	23	24	104	10	42	6	25	4	21	4	16	Trường Mầm non Vạn Lộc, Tiểu học Thuận Lộc
	Thôn Bộ Đầu	Sông Lạch Trường	11	40	2	7	9	33	2	8	2	8	3	10	2	7	Trường MN Thuận Lộc, Nhà văn hoá Bộ Đầu
12	Xã Hoa Lộc		120	459	51	189	69	270							69	270	
	Thôn Quang Tân	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	113	425	51	189	62	236							62	236	Nhà người thân phía đông, trường tiểu học Quang Lộc
	Thôn Bạch Yên Sơn	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	3	13			3	13							3	13	Trường THCS Quang Lộc
	Thôn Yên Minh	Sông Lèn (hữu sông Lèn)	4	21			4	21							4	21	
13	Xã Đông Thành		246	916			246	916					246	916			
	Thôn Đại Phú	Sông Lèn	11	32			11	32					11	32			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Nhân Hậu	Sông Lèn	12	42			12	42					12	42			
	Thôn Thiều Xá 1+2	Sông Lèn	13	57			13	57					13	57			
	Thôn Phù Lạc	Sông Lèn	23	66			23	66					23	66			
	Thôn Kỳ Sơn	Sông Lèn	100	378			100	378					100	378			
	Thôn Cầu	Sông Lèn	87	341			87	341					87	341			
14	Xã Hoằng Châu		316	1.346	316	1.346											
	Châu Triều	Sông Mã (tả sông Mã)	316	1346	316	1.346											
15	Xã Hoằng Giang		294	964			294	964					147	482	147	482	
	Trà Sơn	Sông Mã (tả sông Mã)	16	56			16	56					8	28	8	28	Công sở xã Hoằng Xuân cũ
	Đại Diễn	Sông Mã (tả sông Mã)	18	46			18	46					9	23	9	23	
	Hữu Khánh	Sông Mã (tả sông Mã)	10	34			10	34					5	17	5	17	
	Hoằng Giang cũ	Sông Mã (tả sông Mã)	122	404			122	404					61	202	61	202	
	Tân Khánh	Sông Mã (tả sông Mã)	4	16			4	16					2	8	2	8	
	Nga Phú 2	Sông Mã (tả sông Mã)	2	4			2	4					1	2	1	2	
	Thôn Vĩnh Gia 1	Sông Mã (tả sông Mã)	56	184			56	184					28	92	28	92	NVH thôn Vĩnh Gia 1
	Thôn Vĩnh Gia 2	Sông Mã (tả sông Mã)	4	6			4	6					2	3	2	3	NVH thôn Vĩnh Gia 2
	Thôn Vĩnh Gia 3	Sông Mã (tả sông Mã)	18	44			18	44					9	22	9	22	NVH thôn Vĩnh Gia 3
	Trình Phúc	Sông Mã (tả sông Mã)	24	108			24	108					12	54	12	54	NVH thôn Trình Phúc
	Thôn Hợp Đồng	Sông Mã (tả sông Mã)	16	46			16	46					8	23	8	23	NVH thôn Hợp Đồng
	Đức Tiến	Sông Mã (tả sông Mã)	2	12			2	12					1	6	1	6	NVH thôn Đức Tiến
	Trình Thọ	Sông Mã (tả sông Mã)	2	4			2	4					1	2	1	2	NVH thôn Trình Thọ
16	Xã Hà Trung		1.085	3.688	347	1.265	738	2.423			114	383	386	1.180	238	860	
	Kim Đê	Sông Lèn	64	222	30	120	34	102					14	35	20	67	Trường học, trụ sở công an xã
	Kim Quan Sơn	Sông Lèn	29	96	20	60	9	36					3	9	6	27	
	Kim Phú Na	Sông Lèn	44	165	30	123	14	42					5	20	9	22	
	Kim Trần Vũ	Sông Lèn	1	3	1	3											Trường học
	Thôn 2	Sông Lèn	123	430	115	395	8	35							8	35	UBND xã Hà Phong, thị trấn cũ
	Tiểu khu Tương Lạc	Sông Lèn	193	811	67	275	126	536					61	257	65	279	UBND xã Hà Phong, thị trấn cũ, trường học, người thân

TT	Địa điểm	Triển sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII			
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
		= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)											
	Bình Lâm	Sông Lèn	483	1546	84	289	399	1257			79	288	205	605	115	364	Trường học, trụ sở BCH QS xã, trạm Y tế Hà Lâm cũ, người thân	
	Chuế Cầu	Sông Lèn	148	415	0	0	148	415			35	95	98	254	15	66	Nhà văn hóa thôn, UBND xã Yên sơn cũ, nhà người thân	
17	Xã Lĩnh Toại		337	1.134	42	164	295	970	7	10	55	213	204	637	29	110		
	Cụ Thôn	Sông Lèn	30	88	4	18	26	70					26	70			Nhà văn hóa thôn	
	Đại Sơn	Sông Lèn	92	334	15	70	77	264	7	10	43	159	27	95				
	Đại Thắng	Sông Lèn	53	206	2	9	51	197			10	42	30	125	11	30		
	Độ Thôn	Sông Lèn	107	331	11	36	96	295					78	215	18	80	Công sở xã Hà Toại cũ	
	Bang Thôn	Sông Lèn	50	154	10	31	40	123					40	123			Nhà văn hóa thôn	
	Thạch Quật 1	Sông Lèn	5	21			5	21			2	12	3	9				
18	Xã Tổng Sơn		99	396	2	6	97	390			5	21	54	211	38	158		
	Chi Phúc	Sông Lèn	7	21	2	6	5	15					5	15			Nhà văn hóa thôn	
	Quý Tiến	Sông Lèn	29	113			29	113					29	113				
	Cầm Cường	Sông Lèn	57	236			57	236			5	21	20	83	32	132		
	Ngọc Sơn	Sông Lèn	6	26			6	26							6	26		
19	Xã Tiên Trang		5	21			5	21					5	21				
	Thôn Thạch Trung	Sông Yên (tả sông Yên)	5	21			5	21					5	21			Nhà Văn hóa thôn	
20	Xã Nông Cống		1.473	4.938	1.473	4.938												
	Đông Tài	Sông Yên	21	102	21	102											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Đông Tài	
	Ban Thọ	Sông Yên	4	14	4	14											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Ban Thọ	
	Quý Thắng	Sông Yên	50	163	50	163											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Quý Thắng	
	Giân Hiền	Sông Yên	21	63	21	63											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Giân Hiền	
	Nhuệ Thôn	Sông Yên	18	72	18	72											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Huệ Thôn	
	Cộng Hòa 1	Sông Yên	135	554	135	554											Nhà cao tầng trong thôn	
	Cao Nhuận	Sông Yên	90	299	90	299											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Cao Nhuận; TT Chính trị xã	
	Làng Trù	Sông Yên	38	88	38	88											Nhà văn hóa thôn làng Trù	
	Làng Mật	Sông Yên	33	152	33	152											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Làng Mật; TT Chính trị xã	
	Liên Minh	Sông Yên	30	104	30	104											Nhà văn hóa thôn Liên Minh, một số nhà cao tầng trong thôn, TT Chính trị xã	
	Tân Dân	Sông Yên	8	37	8	37											Nhà văn hóa thôn Tân Dân, một số nhà cao tầng trong thôn	
	Đồng Lương	Sông Yên	40	110	40	110											Nhà văn hóa thôn Đồng Lương, một số nhà cao tầng trong thôn	
	Thôn Cầm	Sông Yên	36	136	36	136											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Thôn Cầm	
	Ngọc Bàn	Sông Yên	50	166	50	166											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Ngọc Bàn	
	Đồng Thanh	Sông Yên	28	126	28	126											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Đồng Thanh	
	Đồng Thọ	Sông Yên	41	121	41	121											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Đồng Thọ	
	Vạn Thọ	Sông Yên	67	210	67	210											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Vạn Thọ	
	Thanh Ban	Sông Yên	47	186	47	186											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Thanh Ban	
	Bắc Giang	Sông Yên	39	120	39	120												
	Nam Giang	Sông Yên	45	161	45	161												
	Đồng Hòa	Sông Yên	7	11	7	11											Nhà cao tầng trong thôn	
	Nam Tiến	Sông Yên	12	24	12	24												
	Bái Đa	Sông Yên	51	157	51	157												
	Lê Xá 1	Sông Yên	50	199	50	199												
	Lê Xá 2	Sông Yên	17	73	17	73											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Lê Xá 2	
	Thái Hòa	Sông Yên	25	68	25	68											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Thái Hòa	
	Vũ Yên	Sông Yên	9	39	9	39											Nhà văn hóa thôn Vũ Yên	
	Tập cát 1	Sông Yên	50	189	50	189											Trạm y tế, Nhà cao tầng trong thôn	
	Tập cát 2	Sông Yên	21	58	21	58											Nhà cao tầng trong thôn, nhà văn hóa thôn Tập Cát 2	
	Tiền Châu	Sông Yên	100	312	100	312												
	Trường Quang	Sông Yên	150	486	150	486											Trường TH Minh Nghĩa	

TT	Địa điểm	Triền sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu											
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)									
	Sài Thôn	Sông Yên	34	64	34	64											Trường TH Minh Khôi
	Tiên Lược	Sông Yên	17	46	17	46											
	Cộng Hòa 2	Sông Yên	32	96	32	96											
	Trường Loan	Sông Yên	50	125	50	125											
	Thống nhất	Sông Yên	7	7	7	7											
21	Xã Trường Văn		106	363			106	363					106	363			
	Thôn Thạch Lãng	Sông Yên (hữu Sông Yên)	3	10			3	10					3	10			Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Phúc Đồi	Sông Yên (hữu Sông Yên)	16	64			16	64					16	64			
	Thôn Minh Côi	Sông Yên (hữu Sông Yên)	20	78			20	78					20	78			
	Thôn Phương Đoài	Sông Yên (hữu Sông Yên)	64	200			64	200					64	200			
	Thôn Đông Hoà	Sông Yên (hữu Sông Yên)	3	11			3	11					3	11			
22	Xã Thăng Bình		142	538	10	38	132	500	25	89	73	286	19	72	15	53	
	Thôn Hồng Sơn	Sông Yên	115	455	8	32	107	423	20	73	63	254	14	56	10	40	Nhà văn hóa, trường học
	Thôn Mỹ Giang	Sông Yên	27	83	2	6	25	77	5	16	10	32	5	16	5	13	
23	Xã Lam Sơn		804	3.399	290	1.250	514	2.149							514	2.149	
	Thôn Xuân Tân	Sông Chu (hữu sông Chu)	36	145			36	145							36	145	Nhà văn hóa thôn Xuân Tân
	Thôn Quyết Thắng 1	Sông Chu (hữu sông Chu)	28	115			28	115							28	115	Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng 1
	Thôn Hồng Phong	Sông Chu (hữu sông Chu)	15	45			15	45							15	45	Nhà văn hóa thôn Hồng Phong
	Thôn 7	Sông Chu (hữu sông Chu)	222	1043	175	798	47	245							47	245	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn Luận Văn	Sông Chu (hữu sông Chu)	147	565	50	200	97	365							97	365	Trường tiểu học Thọ Xương
	Thôn Thủ Trinh	Sông Chu (hữu sông Chu)	100	470	30	120	70	350							70	350	
	Thôn 8	Sông Chu (hữu sông Chu)	80	320	20	80	60	240							60	240	
	Thôn 1	Sông Chu (hữu sông Chu)	39	177			39	177							39	177	Trường THCS Lam Sơn
	Thôn 3	Sông Chu (hữu sông Chu)	3	12			3	12							3	12	Nhà văn hóa thôn 3
	Thôn 4	Sông Chu (hữu sông Chu)	15	52	15	52											
	Thôn 5	Sông Chu (hữu sông Chu)	5	16			5	16							5	16	Nhà văn hóa thôn 5
	Thôn 6	Sông Chu (hữu sông Chu)	50	198			50	198							50	198	Di chuyển lên Đồi Sơn
	Thôn Đoàn Kết	Sông Chu (hữu sông Chu)	5	17			5	17							5	17	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết
	Thôn Lam Sơn	Sông Chu (hữu sông Chu)	24	89			24	89							24	89	Nhà văn hóa thôn Lam Sơn
	Thôn Phúc Lâm	Sông Chu (hữu sông Chu)	6	23			6	23							6	23	Nhà văn hóa thôn Phúc Lâm
	Thôn Giao Xá	Sông Chu (hữu sông Chu)	9	33			9	33							9	33	
	Thôn Hào Lương	Sông Chu (hữu sông Chu)	20	79			20	79							20	79	Trường tiểu học Lam Sơn
24	Xã Xuân Hòa		1.719	5.574	85	180	1.634	5.394	183	692	110	461	330	1.035	1.011	3.206	
	Thôn Tứ Trụ	Sông Chu (hữu sông Chu)	38	132			38	132	38	132							Nhà Văn hóa thôn Tứ Trụ
	Thôn Hải Trạch 2	Sông Chu (hữu sông Chu)	40	177			40	177							40	177	NVH thôn Hải Trạch 2
	Thôn Thịnh Mỹ 1	Sông Chu (hữu sông Chu)	42	152			42	152							42	152	NVH thôn Thịnh Mỹ 1
	Thôn Thịnh Mỹ 2	Sông Chu (hữu sông Chu)	40	118			40	118							40	118	NVH thôn Thịnh Mỹ 2
	Thôn Quần Đội	Sông Chu (hữu sông Chu)	110	461			110	461			110	461					Trường tiểu học, trung học Thọ Diên

TT	Địa điểm	Triển sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)				= (7)+(9)+(11)+(13)		= (8)+(10)+(12)+(14)								
	Thôn Tân Thành	Sông Chu (hữu sông Chu)	12	50			12	50							12	50	UBND xã Thọ Hải
	Thôn Hải Thành	Sông Chu (hữu sông Chu)	310	1075			310	1075					12	38	298	1037	UBND xã Thọ Hải, Trường tiểu học
	Thôn Hải Mậu	Sông Chu (hữu sông Chu)	226	763			226	763					10	22	216	741	Trường Tiểu học, trung học Thọ Hải
	Thôn Thượng Vôi	Sông Chu (hữu sông Chu)	92	330	10	30	82	300					40	150	42	150	Cơ Đê bên đồng thôn Thượng Vôi
	Thôn Trung Thành	Sông Chu (hữu sông Chu)	190	580	25	50	165	530	35	125			45	155	85	250	Cơ Đê bên đồng thôn Trung Thành
	Thôn Khai Đông	Sông Chu (hữu sông Chu)	180	490	15	30	165	460	25	95			68	190	72	175	NVH Tinh Thôn 2
	Thôn Kim Ốc	Sông Chu (hữu sông Chu)	220	650	15	40	205	610	40	160			75	230	90	220	NVH Tinh Thôn 1+2
	Thôn Thọ Khang	Sông Chu (hữu sông Chu)	210	580	20	30	190	550	45	180			80	250	65	120	NVH Tinh Thôn 1
	Tinh thôn 1	Sông Chu (hữu sông Chu)	2	4			2	4							2	4	NVH Tinh thôn 2
	Tinh thôn 2	Sông Chu (hữu sông Chu)	7	12			7	12							7	12	
25	Xã Thọ Xuân		80	261			80	261	61	189	3	10	16	62			
	Thôn Xuân Phá 2	Sông Chu (hữu sông Chu)	8	32			8	32	1	2	2	7	5	23			Di chuyển về nhà của hộ ở trong làng
	Thôn Xuân Phá 3	Sông Chu (hữu sông Chu)	1	3			1	3			1	3					Di chuyển về nhà của hộ ở trong làng
	Thôn Nam Hòa	Sông Chu (hữu sông Chu)	1	6			1	6	1	6							Trường THCS thị trấn Thọ Xuân cũ
	Thôn Hòa Bình	Sông Chu (hữu sông Chu)	6	21			6	21	6	21							Trường THCS thị trấn Thọ Xuân cũ
	Thôn Bắc Tiến	Sông Chu (hữu sông Chu)	24	70			24	70	24	70							UB MTTQ, Đoàn thể huyện cũ
	Thôn Vĩnh Nghi	Sông Chu (hữu sông Chu)	2	8			2	8	2	8							UBND Thị trấn Thọ Xuân cũ
	Thôn Vân Lộ	Sông Chu (hữu sông Chu)	27	82			27	82	27	82							Trường tiểu học Xuân Hồng CS1
	Thôn Ninh Thành	Sông Chu (hữu sông Chu)	10	34			10	34					10	34			Nhà văn hóa thôn Ninh Thành
	Thôn Hùng Mạnh	Sông Chu (hữu sông Chu)	1	5			1	5					1	5			Nhà văn hóa thôn Hùng Mạnh
26	Xã Xuân Tín		1.143	4.484			1.143	4.484	4	12			1.139	4.472			
	Thôn Hạnh Phúc	Sông Chu (tả sông Chu)	155	436			155	436					155	436			UBND xã, trường mầm non, Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thọ Phú	Sông Chu (tả sông Chu)	167	770			167	770					167	770			
	Thôn Đông Thành	Sông Chu (tả sông Chu)	223	761			223	761					223	761			
	Thôn Phú Cường	Sông Chu (tả sông Chu)	263	1050			263	1050					263	1.050			
	Thôn Phú Ninh	Sông Chu (tả sông Chu)	170	703			170	703					170	703			
	Thôn Phú Quý	Sông Chu (tả sông Chu)	161	752			161	752					161	752			
	Thôn 27	Sông Chu (tả sông Chu)	4	12			4	12	4	12							
27	Xã Xuân Lập		257	1.105			257	1.105					257	1.105			
	Thôn 2	Sông Chu (tả sông Chu)	16	53			16	53					16	53			UBND xã, trường cấp 1, 2, Nhf văn hóa thôn và nhà cao tầng
	Thôn 4	Sông Chu (tả sông Chu)	2	4			2	4					2	4			
	Thôn 7	Sông Chu (tả sông Chu)	1	3			1	3					1	3			
	Thôn Phong Mỹ	Sông Chu (tả sông Chu)	200	912			200	912					200	912			
	Thọ Tân	Sông Chu (tả sông Chu)	1	2			1	2					1	2			
	Ngọc Quang	Sông Cầu Cháy (hữu sông Cầu Cháy)	14	54			14	54					14	54			
	Cao Phú	Sông Cầu Cháy (hữu sông Cầu Cháy)	14	54			14	54					14	54			

TT	Địa điểm	Triền sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến R _{PIII}		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến R _{PIII}		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII đến R _{PIII}		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu											
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)									
	Long Linh Ngoại 1	Sông Chu (tả sông Chu)	9	23			9	23					9	23			
28	Xã Thiệu Quang		190	763	190	763											
	Thôn Dương Phong	Sông Mã (hữu sông Mã)	23	92	23	92											Trung tâm cung ứng dịch vụ công
	Thôn Nam Bằng 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	27	108	27	108											
	Thôn Xứ Nhân 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	1	5	1	5											
	Thôn Châu trưởng	Sông Mã (hữu sông Mã)	11	45	11	45											UBND xã Thiệu Quang củ
	Thôn Nhân Cao	Sông Mã (hữu sông Mã)	20	75	20	75											
	Thôn Chí Cường 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	20	78	20	78											
	Thôn Chí Cường 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	9	37	9	37											
	Thôn Chí Cường 3	Sông Mã (hữu sông Mã)	25	98	25	98											
	Thôn Văn Điền	Sông Cầu chảy	32	135	32	135											Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đa Lộc	Sông Cầu chảy	22	90	22	90											
29	Xã Thiệu Hóa		225	423			225	423					225	423			
	Thôn xóm 1	Sông Chu	3	12			3	12					3	12			Các nhà cao tầng, các hộ dân nội đê
	Mặt thôn	Sông Chu	26	110			26	110					26	110			
	Nguyễn Sơn	Sông Chu	2	2			2	2					2	2			
	Nguyễn Tân	Sông Chu	1	1			1	1					1	1			
	Nguyễn Thành	Sông Chu	1	1			1	1					1	1			
	Nguyễn Thắng	Sông Chu	1	1			1	1					1	1			
	Chợ Vạn hà	Sông Chu	145	145			145	145					145	145			
	Đồng Lỗ	Sông Cầu chảy	42	145			42	145					42	145			
	Phủ Lai	Sông Cầu chảy	2	3			2	3					2	3			
	Phủ Hưng	Sông Cầu chảy	2	3			2	3					2	3			
30	Xã Thiệu Tiến		13	45			13	45							13	45	
	Thôn Yên Lộ	Sông Chu (tả sông Chu)	1	2			1	2							1	2	Các nhà cao tầng, các hộ dân nội đê
	Thôn Lam Vỹ	Sông Chu (tả sông Chu)	2	5			2	5							2	5	
	Thôn Lam Đạt	Sông Chu (tả sông Chu)	5	12			5	12							5	12	
	Thôn Quan Trung 1	Sông Chu (tả sông Chu)	1	6			1	6							1	6	
	Thôn Quan Trung 2	Sông Chu (tả sông Chu)	1	6			1	6							1	6	
	Thôn Quan Trung 3	Sông Chu (tả sông Chu)	3	14			3	14							3	14	
31	Xã Thiệu Toán		34	112			34	112							34	112	
	Đồng Thanh	Sông Chu (hữu sông Chu)	34	112			34	112							34	112	Nhà cao tầng, các hộ dân nội đê
32	Xã Thiệu Trung		43	137			43	137							43	137	
	Khu phố 7	Sông Chu	35	113			35	113							35	113	Trường MN và trường TC nghề Hưng Đô
	Khu phố 8	Sông Chu	8	24			8	24							8	24	Trường MN và trường TC nghề Hưng Đô
33	Xã Yên Ninh		43	150			43	150			43	150					
	Thôn 1	Sông Cầu Chảy	7	22			7	22			7	22					Nhà văn hoá thôn
	Thôn 3	Sông Cầu Chảy	35	123			35	123			35	123					
	Phác Thôn 2	Sông Cầu Chảy	1	5			1	5			1	5					
34	Xã Định Tân		369	1.620			369	1.620					20	85	349	1.535	
	Thôn Sét Thôn	Sông Mã (hữu sông Mã)	16	72			16	72							16	72	Nhà văn hóa
	Thôn Thịnh Thôn	Sông Mã (hữu sông Mã)	24	121			24	121							24	121	
	Thôn Ái Thôn	Sông Mã (hữu sông Mã)	11	47			11	47							11	47	
	Thôn Duyên Lộc	Sông Mã (hữu sông Mã)	261	1150			261	1150					20	85	241	1065	Trường tiểu học và THCS Định Hải
	Thôn Yên Hoành	Sông Mã (hữu sông Mã)	16	57			16	57							16	57	Nhà văn hóa

TT	Địa điểm	Triển sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến BĐII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
			= (3)+(5)		= (4)+(6)		= (7)+(9)+(11)+(13)		= (8)+(10)+(12)+(14)								
	Thôn Yên Thôn	Sông Mã (hữu sông Mã)	41	173			41	173							41	173	
35	Xã Định Hòa		470	1.577	468	1.573	2	4							2	4	
	Tân Sen	Cầu Chày	88	335	88	335											
	Kênh Khê	Cầu Chày	81	336	81	336											
	Nội Hà	Cầu Chày	1	2	1	2											
	Tiến Nông	Cầu Chày	215	705	215	705											
	Tường Vân	Cầu Chày	2	4			2	4							2	4	
	Hải Quật	Cầu Chày	7	19	7	19											
	Cắm Trướng 1	Cầu Chày	5	11	5	11											
	Quan Yên	Sông Mã	71	165	71	165											
36	Xã Quý Lộc		1.084	4.092	451	1.935	633	2.157			71	315	185	574	377	1.268	
	Thôn Đan Nê 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	132	386	42	126	90	260			10	30	50	150	30	80	Nhà văn hóa, trường học,...
	Thôn Đan Nê 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	160	487	40	110	120	377			10	27	40	102	70	248	
	Thôn Tu mục 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	228	1047	162	868	66	179			11	28	15	32	40	119	
	Thôn Tân Lộc 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	332	1283	132	560	200	723			40	230	60	223	100	270	
	Thôn 10	Sông Mã (hữu sông Mã)	232	889	75	271	157	618					20	67	137	551	
37	Xã Yên Định		156	666	17	60	139	606							139	606	
	Thôn Phú Cẩm	Sông Cầu Chày	156	666	17,00	60,00	139	606							139	606	Nhà văn hóa thôn Phú Thọ và Công sở xã Định Tăng cũ
38	Xã Yên Trường		62	205	40	108	22	97	2	13			20	84			
	Thôn Phù Hưng 1	Sông Mã (hữu sông Mã)	22	82	15	45	7	37					7	37			Nhà VH thôn
	Thôn Phù Hưng 2	Sông Mã (hữu sông Mã)	33	97	20	50	13	47					13	47			Nhà VH thôn
	Thôn Lý Nhân	Sông Mã (hữu sông Mã)	7	26	5	13	2	13	2	13							Nhà VH thôn (Hộ thuyền trái)
39	Xã Biện Thượng		216	718			216	718							216	718	
	Sóc son 1	Sông Mã	25	83			25	83							25	83	Nhà văn hóa thôn, Trường THCS
	Sóc son 2	Sông Mã	17	58			17	58							17	58	
	Sóc son 3	Sông Mã	18	67			18	67							18	67	
	Xóm Bình	Sông Mã	23	82			23	82							23	82	
	Xóm Nam	Sông Mã	27	97			27	97							27	97	Nhà văn hóa thôn
	Đông Thắng	Sông Mã	21	63			21	63							21	63	
	Thôn 1	Sông Mã	20	81			20	81							20	81	
	Thôn 3	Sông Mã	50	120			50	120							50	120	Trường THCS
	Thôn 8	Sông Mã	15	67			15	67							15	67	Nhà văn hóa thôn
40	Xã Vĩnh Lộc		1.426	4.795	392	1.399	1.034	3.396					91	304	943	3.092	
	Khu phố Thành Nhân - TT Vĩnh Lộc (cũ)	Sông Mã	88	371			88	371							88	371	Nhà văn hóa khu phố
	Khu phố Nhân Lộ - TT Vĩnh Lộc (cũ)	Sông Mã	8	27			8	27							8	27	
	Khu phố Cao Mật - TT Vĩnh Lộc (cũ)	Sông Mã	4	10			4	10							4	10	
	Khu phố Giáng - TT Vĩnh Lộc (cũ)	Sông Mã	2	8			2	8				2	8				Nhà Văn hóa Đùn Sơn
	Thôn Thọ Vực-xã Ninh Khang cũ	Sông Mã	72	206	38	116	34	90							34	90	
	Thôn Yên Lạc-xã Ninh Khang cũ	Sông Mã	131	358	66	194	65	164							65	164	
	Thôn Kỳ Ngải-xã Ninh Khang cũ	Sông Mã	11	38	5	17	6	21							6	21	
	Thôn Phi Bình-xã Ninh Khang cũ	Sông Mã	230	819	119	482	111	337							111	337	
	Quang Biều-xã Vĩnh Hòa cũ	Sông Mã	45	107			45	107							45	107	Núi Bin
	Nghĩa Kỳ-xã Vĩnh Hòa cũ	Sông Mã	116	457			116	457							116	457	Nhà văn hóa đá năng
	Giang Đông-xã Vĩnh Hòa cũ	Sông Mã	102	240			102	240							102	240	Núi Cầu
	Khu phố- TT Vĩnh Lộc (cũ) Phụng Công	Sông Bưởi	12	42			12	42				12	42				Nhà Văn hóa Phụng Công
	Khu Phố Đùn Sơn- TT Vĩnh Lộc (cũ)	Sông Bưởi	32	108			32	108					32	108			Đền thờ Đức Thánh Trần
	Thôn Khang Tân-xã Ninh Khang cũ	Sông Bưởi	76	224	36	105	40	119							40	119	

TT	Địa điểm	Triền sông	Tổng số dân phải sơ tán		Sơ tán tại chỗ (A)		Sơ tán tập trung (B)										Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)	
							Tổng		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức BĐI		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐI đến R _{PII}		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐII đến R _{PIII}		Số dân cần phải sơ tán khi dự báo lũ ở mức trên BĐIII			
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu				
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)
			= (3)+(5)	= (4)+(6)			= (7)+(9)+(11)+(13)	= (8)+(10)+(12)+(14)										
	Thôn Lợi Chấp-xã Vĩnh Hòa cũ	Sông Bưởi	56	195			56	195							56	195	Núi Cùm	
	Thôn Nhật Quang-xã Vĩnh Hòa cũ	Sông Bưởi	15	60			15	60							15	60	Núi Nhật Quang	
	Thôn Phúc Khang- xã Vĩnh Phúc cũ	Sông Bưởi	42	126			42	126							42	126	Sân bóng UBND xã	
	Thôn Cỏ Diếp- xã Vĩnh Phúc cũ	Sông Bưởi	36	108			36	108							36	108	Nhà Văn hóa thôn	
	Thôn Tân Phúc- xã Vĩnh Phúc cũ	Sông Bưởi	13	65			13	65							13	65		
	Thôn Văn Hanh- xã Vĩnh Phúc cũ	Sông Bưởi	51	213			51	213							51	213	Sườn núi Văn	
	Thôn 8 - xã Vĩnh Hưng cũ	Sông Bưởi	113	362	20	65	93	297	-	-	-	-	22	65	71	232	Nhà văn hóa thôn	
	Thôn 2 - xã Vĩnh Hưng cũ	Sông Bưởi	118	459	81	324	37	135	-	-	-	-	13	46	24	89	Nhà Văn hóa và người thân	
	Thôn 1 - xã Vĩnh Hưng cũ	Sông Bưởi	53	192	27	96	26	96	-	-	-	-	10	35	16	61		
41	Xã Tây Đô		1.896	7.164			1.896	7.164					401	1.547	1.495	5.617		
	Thôn Cẩm Hoàng 1	Sông Mã (tả sông Mã)	78	309			78	309					16	57	62	252	Nhà văn hóa thôn, Trường THCS	
	Thôn Cẩm Hoàng 2	Sông Mã (tả sông Mã)	129	470			129	470					28	60	101	410		
	Thôn Lê Sơn	Sông Mã (tả sông Mã)	125	485			125	485					15	55	110	430		
	Thôn Tiến Ích 1	Sông Mã (tả sông Mã)	104	419			104	419					18	75	86	344		
	Thôn Tiến Ích 2	Sông Mã (tả sông Mã)	113	482			113	482					24	90	89	392		
	Thôn Eo Lê	Sông Mã (tả sông Mã)	25	111			25	111					5	22	20	89	Nhà văn hóa thôn	
	Thôn Yên Tôn Hạ, Phù Lưu	Sông Mã (tả sông Mã)	775	3158			775	3158					295	1188	480	1970		
	Yên Tôn Thượng	Sông Mã (tả sông Mã)	255	840			255	840							255	840		
	Thôn Thọ Đôn	Sông Mã (tả sông Mã)	163	546			163	546							163	546		
	Thôn Thổ Phụ	Sông Mã (tả sông Mã)	42	47			42	47							42	47	Núi phú linh	
	Thôn Phú Lĩnh	Sông Mã (tả sông Mã)	33	108			33	108							33	108		
	Thôn Cầu Mư	Sông Bưởi (hữu sông Bưởi)	2	7			2	7							2	7		
	Thôn Bèo	Sông Bưởi (hữu sông Bưởi)	52	182			52	182							52	182	Nhà văn hoá thôn	
42	Xã Kim Tân		829	3.395			829	3.395					181	690	648	2.705		
	Thạch An	Sông Bưởi	115	491			115	491					16	50	99	441	Đê hữu, nhà cao tầng	
	Thạch Toàn	Sông Bưởi	29	116			29	116							29	116		
	Định Hưng	Sông Bưởi	170	712			170	712					80	350	90	362	Nhà cao tầng, trường học	
	Định Tân	Sông Bưởi	128	525			128	525					19	68	109	457		
	Tiến Thành	Sông Bưởi	138	564			138	564							138	564	Chòm rú, nhà cao tầng	
	Định Tường	Sông Bưởi	183	765			183	765							183	765	Nhà cao tầng, trường học	
	Hợp Tiến	Sông Bưởi	11	42			11	42					11	42			Nhà cao tầng, đê tả	
	Liên Hưng	Sông Bưởi	10	34			10	34					10	34			Nhà cao tầng, khu vực cao	
	Phú Thành	Sông Bưởi	16	55			16	55					16	55				
	Hoàng Thành	Sông Bưởi	1	3			1	3					1	3				
	Trường Thành	Sông Bưởi	1	5			1	5					1	5				
	Khu phố 6	Sông Bưởi	27	83			27	83					27	83			Đồi cao	
43	Xã Thạch Bình		95	344	88	323	7	21					7	21				
	Thôn Yên Phú	Sông Bưởi	6	38	6	38												
	Thôn Yên Khánh	Sông Bưởi	1	3	1	3												
	Khu 1	Sông Bưởi	12	41	8	29	4	12					4	12			Nhà VH khu 1	
	Thôn 1	Sông Bưởi	73	253	73	253												
	Đồng Trạch	Sông Bưởi	3	9			3	9					3	9			Trường THCS	

Phụ lục 3B: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐỀ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH CẤP BẢO ĐỘNG LŨ CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026
(Chi tiết đến thôn)

TT	Địa điểm	Triển sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	
	TỔNG		6.507	24.235	1.789	6.843	(5)
1	Phường Bím Sơn		45	187	94	453	
	Tổ dân phố Sơn Tây	Sông Tam Điệp	7	20			
	Tổ dân phố Đông Thôn	Sông Tam Điệp	8	35			
	Tổ dân phố Liên Giang	Sông Hoạt			14	48	Nhà văn hoá tổ dân phố, Trạm Bơm Chiết Giang
	Tổ dân phố Đông Thị	Sông Hoạt	12	70	35	215	Nhà Văn Hoá TDP, Trường Mầm non và UBND xã Hà Vinh cũ
	Tổ dân phố Mỹ Quan	Sông Hoạt	18	62	45	190	Nhà văn hoá tổ dân phố, UBND xã Hà Vinh cũ
2	Phường Quang Trung		38	148	135	526	
	Tổ dân phố 2	Sông Hoạt	23,00	90,00	74,00	287,00	Trường Tiểu học và THCS Quang Trung
	Tổ dân phố 3	Sông Hoạt	15,00	58,00	61,00	239,00	Trường Mầm non Quang Trung
3	Phường Đào Duy Từ				28	117	
	TDP Dự Quần	Sông Bạng			7	22	Nhà văn hóa TDP
	Sa Thôn	Sông Cầu Se			1	2	
	Dự Quần 1	Sông Bạng			5	23	
	Vạn Xuân Thành	Sông Bạng			15	70	
4	Phường Trúc Lâm				216	883	
	TDP Giảng Tín	Sông Bạng			120	582	Trường Tiểu học, Trung học Trúc Lâm (cũ), Nhà thờ giáo sư Thanh Thôn
	TDP Lan Trà	Sông Bạng			70	186	Nhà văn hóa Sơn Trà
	TDP Sơn Trà	Sông Bạng			6	25	
	TDP Khoa Trường	Sông Bạng			20	90	Trường Tiểu học Tùng Lâm
5	Phường Tinh Gia				75	350	
	TDP Thanh Đình	Sông Bạng			15	70	Nhà văn hóa, một số hộ dân là anh em, người thân của hộ phải sơ tán; Trường Mầm non Thanh Đình
	TDP Thanh Nam	Sông Bạng			60	280	
6	Phường Ngọc Sơn		28	90	13	41	
	TDP Trung Thành	Sông kênh Than	6	22	4	12	Trụ sở BCH Quân sự phường; Các trường Mầm non, THCS, tiểu học trên địa bàn phường
	TDP Thanh Bình 3	Sông kênh Than	8	25	3	12	
	TDP Thanh Cao	Sông kênh Than	8	23	4	12	
	TDP Thanh Bình 2	Sông kênh Than	6	20	2	5	
7	Xã Nga An		9	39	17	57	
	Thôn Tòng Chính	Sông Càn			3	8	Trường học, trạm y tế xã, nhà thờ
	Thôn Tân Tòng	Sông Càn			5	16	
	Thôn Tân Tiến	Sông Càn			1	5	
	Thôn Chính Đại	Sông Càn			3	11	
	Thôn Chính Đại Mới	Sông Càn	9	39			
	Thôn Tân Phát	Sông Càn			2	7	
	Thôn Tân Hải	Sông Càn			1	6	
	Thôn Phong Phú	Sông Càn			2	4	
8	Xã Ba Đình		69	161	104	220	
	Thôn Chiến Thắng	Sông Hoạt			22	73	Trường Mầm non
	Thôn An Thọ	Sông Hoạt	7	27	55	74	Trường THCS
	Thôn Tứ Thôn	Sông Hoạt	4	14	20	51	Trạm y tế
	Thôn Hợp Long 1	Sông Hoạt			7	22	Nhà cao tầng

TT	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	
	Thôn Mỹ Thịnh	Sông Hoạt	3	6			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tri Thiện 1	Sông Hoạt	15	31			
	Thôn Tri Thiện 2	Sông Hoạt	17	36			
	Thôn Tri Thiện 3	Sông Hoạt	20	42			
	Thôn Từ Sơn	Sông Hoạt	3	5			
9	Xã Nga Thằng		12	51			
	Thôn Giáp	Sông Hoạt	11	47			Nhà cao tầng
	Thôn Trung Cự	Sông Hoạt	1	4			
10	Xã Tân Tiến		10	21	0	0	
	Thôn 3	Sông Cản	1	1			
	Thôn 6	Sông Cản	1	2			
	Thôn 7	Sông Cản	1	2			
	Thôn 12	Sông Cản	1	2			
	Thôn 16	Sông Cản	5	13			
	Thôn 21	Sông Cản	1	1			
11	Xã Vạn Lộc		9	47			
	Mình Hùng	Kênh De	6	22			
	Mỹ Thịnh	Kênh De	1	11			
	Phú Nhi	Kênh De	2	14			
12	Xã Hậu Lộc		7	26	15	62	
	Thôn Bộ Đầu	Sông Cẩm Lũ	7	26	15	62	Trường Mầm non Văn Lộc, NVH thôn Bộ Đầu
13	Xã Hoa Lộc		57	190	59	172	
	Thôn 5	Tây Kênh De			5	12	NVH thôn 5
	Thôn Hoa Trường	Tây Kênh De	3	13			Trường MN Hoà Lộc
	Thôn 4 Xuân Tiến	Tây Kênh De			4	11	
	Thôn 5 Xuân Tiến	Tây Kênh De			2	8	
	Thôn Bái Hà Xuân	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	13	52	8	34	Trường THCS Xuân Lộc
	Thôn Phú Mỹ	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	41	125	36	89	
	Thôn Hoà Phú	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)			1	4	Trường THCS Hoà Lộc
	Thôn Hoà Hải	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)			3	14	
	Thôn Nam Huân	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)			0	0	
14	Xã Hoàng Sơn		341	1.372	255	925	
	Nam Bình	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	31	126	3	12	Nhà Văn Hóa thôn Nam Bình
	Hà Nội	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	88	323	150	535	Trường THCS và Mầm non Hoàng Cát cũ; Nhà VH thôn Cát nội cũ
	Ba Đình	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	62	284	20	74	Trường Tiểu học Hoàng Cát cũ
	Nam Thọ	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	56	225	23	80	Nhà VH thôn Nam Thọ
	Đức Thành	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	39	154	27	86	Nhà VH thôn Đức Thành Trường tiểu học Hoàng Cát cũ
	Thanh Bình	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	39	163	17	79	Nhà VH thôn Thanh Bình; Trường Mầm Non Hoàng Xuyên 1
	Long Bình	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	14	49	14	55	Nhà VH thôn Long Bình

TT	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	
	Long Xuân	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	7	23			
	Trung Tiến	Sông Lạch Trường (tả Lạch Trường)	5	25	1	4	Nhà VH thôn Trung Tiến
15	Xã Hoàng Châu		370	1.571			
	Phượng Khê	Sông Cung (tả Sông Cung)	370	1.571			
16	Xã Hoàng Hoá		20	76			
	Thôn Cư Đà	Sông Lạch Trường	4	16			
	Nội Tỷ	Sông Lạch Trường	4	13			
	Thọ Văn	Sông Lạch Trường	10	37			
	Đức Sơn	Sông Lạch Trường	2	10			
17	Xã Hà Long		219	470	72	296	
	Quan Chiêm	Sông Hoạt			2	9	Nhà văn hóa
	Hòa Thuận	Sông Hoạt			4	16	
	Thôn Song Nga	Sông Hoạt	190	353	40	167	
	Thôn Trạng Sơn	Sông Hoạt	27	109	18	71	Nhà VH thôn, Hộ dân đói cao
	Thôn Đà Sơn	Sông Hoạt	2	8	8	42	Nhà VH thôn Đà Sơn, hộ dân đói Năm
18	Xã Lĩnh Toại		5	17	121	425	
	Như Lăng	Sông Hoạt	1	2	14	53	Nhà văn hóa thôn
	Đông Yên	Sông Hoạt			64	268	Trường tiểu học Hà Hải
	Thạch Lễ	Sông Hoạt			32	73	Nhà văn hóa thôn
	Vân Cô	Sông Hoạt	4	15	11	31	
19	Xã Hoat Giang		207	1.003			
	Thôn Cao Lũng	Sông Hoạt	25	106			
	Thôn Yên Xá	Sông Hoạt	2	7			
	Thôn Trung Tâm	Sông Hoạt	120	525			
	Thôn Trung Chính	Sông Hoạt	60	264			
	Thôn Thổ Khối	Sông Hoạt	20	88			
	Thôn Vân Điền	Sông Hoạt	3	13			
20	Xã Tổng Sơn		89	309	15	64	
	Yên Phú	Sông Hoạt			10	39	Nhà Văn hóa thôn
	Đồng Ô	Sông Hoạt	35	147			
	ĐỒNG BÔNG	Sông Hoạt	24	70			
	Bái Sơn	Sông Hoạt	12	34			
	Đô mỹ	Sông Hoạt	17	53			
	Hà Hợp	Sông Hoạt	1	5	5	25	
21	Xã Quảng Yên		9	25			
	Xuân Tiến	Sông Hoàng	9	25			Nhà Văn hóa thôn Xuân Tiến
22	Xã Quảng Chính				15	67	
	Thôn 3	Sông Hoàng			15	67	Nhà văn hóa thôn
23	Xã Quảng Ngọc				36	163	
	Ngọc Bình	Sông Yên (tả sông Yên)			8	44	NVH Ngọc Bình
	Ngọc Đới	Sông Yên (tả sông Yên)			10	39	NVH Ngọc Đới
	Kim Lâm Đồng	Sông Hoàng (tả sông Hoàng)			18	80	NVH Kim Lâm Đồng
24	Xã Thắng Lợi		945	3.336			
	Nhân Nhượng	Sông Hoàng	2	3			
	Đạt Tiến 1	Sông Nhôm	6	21			

TT	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	
	Đạt Tiến 2	Sông Nhôm	71	231			
	Yên Nông	Sông Hoàng	13	65			
	Đông Hưng	Sông Nhôm	140	450			
	Châu Sơn	Sông Nhôm	10	39			
	Thịnh Lạc	Sông Nhôm	72	210			
	Hợp Nhất	Sông Nhôm	150	580			
	Yên Cách	Sông Nhôm	150	540			
	Quả Cầm	Sông Nhôm	93	340			
	Côn Cương 2	Sông Nhôm	21	67			
	Yên Quả 1	Sông Nhôm	51	189			
	Yên Quả 2	Sông Nhôm	23	72			
	Côn Sơn	Sông Nhôm	55	165			
	Lương Mộng	Sông Nhôm	13	34			
	Đông Yên	Sông Nhôm	75	330			
25	Xã Trung Chính		2.799	10.781	68	209	
	Đông Cao	Sông Nhôm	147	621	0	0	
	Đông Thắng	Sông Nhôm	203	723	5	21	Về nhà Văn hoá thôn
	Thanh Sơn	Sông Nhôm	304	1311	5	18	Trường học
	Tổng Sờ	Sông Nhôm	185	675			
	Bì Kiêu	Sông Nhôm	152	569	15	43	Trường học
	Mỹ Thanh	Sông Nhôm	413	1675	3	10	Nhà văn hoá thôn
	Tân Ấp	Sông Nhôm	33	110			
	Ngọc Tháp	Sông Hoàng	75	281	13	52	
	Trình Khiết	Sông Hoàng	23	74	2	4	Nhà văn hoá thôn
	Lai Thịnh	Sông Nhôm	401	1543	11	30	
	Tân Sơn	Sông Nhôm	397	1217	6	13	Trường học
	Tân Cầu	Sông Nhôm	466	1982	8	18	
26	Xã Trường Văn				28	106	
	Thôn Yên Tuấn	Sông Thị Long (Tả sông Thị Long)			16	68	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Tân Ngọc	Đê bao Ngọc Lâm			4	17	Trường Tiểu học 2
	Thôn Nguyễn Ngọc				8	21	Nhà Văn hoá thôn
27	Xã Thọ Ngọc		149	476			
	Thôn 1	Sông Nhôm	8	33			
	Thôn 11	Sông Hoàng	86	258			
	Thôn 16	Sông Hoàng	15	46			
	Thôn 27	Sông Hoàng	13	44			
	Thôn 19	Sông Hoàng	15	54			
	Thôn 18	Sông Hoàng	12	41			
28	Xã An Nông		210	705	15	61	
	Thôn Gia phú	Sông Nhôm			15	61	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Nga Nha Pho	Sông Hoàng	120	355			Trường Học
	Thôn Hoàng Giang	Sông Hoàng	90	350			Nhà Văn Hóa thôn
29	Xã Hợp Tiến		32	110	8	30	
	Thôn Tân Thắng 1	Sông Nhôm (hữu sông Nhôm)	20	72	5	18	Nhà văn hóa thôn, trường THCS, trường trung học cơ sở; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Tân Thắng 2	Sông Nhôm (hữu sông Nhôm)	12	38	3	12	
30	Thọ Phú		58	211	5	14	
	Quan Thành	Sông Nhôm	31	101	5	14	Nhà Văn Hóa thôn
	Thùy Tú	Sông Hoàng	15	65			
	Thu Đông	Sông Nhôm	12	45			
31	Xã Triệu Sơn		194	829			

TT	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	
	Thôn Tân Ninh	Sông Nhơm	12	42			
	Thôn Đại Sơn	Sông Nhơm	4	23			
	Thôn Đô Huy	Sông Hoàng	1	3			
	Thôn Thiết Cương 1	Sông Hoàng	3	12			
	Thôn Thiết Cương 2	Sông Hoàng	72	362			
	Thôn Thiết Cương 3	Sông Hoàng	27	101			
	Thôn Phồ Thiều	Sông Hoàng	61	249			
	Thôn Dân Thịnh	Sông Hoàng	12	31			
	Thôn Phú Vinh	Sông Hoàng	2	6			
32	Xã Tân Ninh		308	920	39	133	
	Thôn Thái Phong	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	25	79	3	10	Trường THCS
	Thôn Thái Yên	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	24	73	3	9	Trường mầm non
	Thôn Thái Nhân	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	9	23	2	7	Nhà VH, trường Tiểu học
	Thôn Thái Lai	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	2	4	0	0	Trường mầm non
	Tân An	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	51	150	6	20	Trường Mầm non
	Tân Định	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	95	191	15	50	Trường THCS
	Thôn 6	Sông Nhơm (hữu sông Nhơm)	102	400	10	37	Nhà văn hóa thôn
33	Xã Đồng Tiến		11	33	2	10	
	Thôn Trúc Chuẩn 1	Sông Hoàng (hữu sông Hoàng)	5	15			
	Thôn Trúc Chuẩn 2		2	6			
	Thôn Nhạ Lọc				2	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Xá 1	Sông Hoàng	2	9			
	Thôn Đồng Xá 2	(tả sông Hoàng)	2	3			
34	Xã Thọ Long		14	14			
	Thôn 1	Sông Hoàng	7	24			
	Thôn 2	Sông Hoàng	2	6			
	Thôn 5	Sông Hoàng	5	11			
35	Xã Xuân Lập		33	97			
	Long Linh Nội	Sông Cầu Chày (còn gọi là sông Cùng)	24	71			
	Thành Vinh	Sông Cầu Chày (còn gọi là sông Cùng)	9	26			
36	Xã Sao Vàng				66	264	
	Thôn Hoàng Kim	Sông Hoàng			66	264	NVH thôn Bội Thượng, nhà cáo táng
37	Xã Thiệu Trung				43	137	
	Khu Phố 7	Sông Dừa			35	113	Trường Mầm non và trường trung cấp nghề Hưng Đô
	Khu Phố 8	Sông Dừa			8	24	
38	Xã Thiệu Tiến		210	920	210	920	
	Thôn Ngọc Thiện	Sông Cầu Chày (hữu Cầu Chày)	3	10	3	10	Nhà cao tầng, núi Vạc
	Thôn Tân Sơn	Sông Cầu Chày (hữu Cầu Chày)	51	180	51	180	Nhà cao tầng, núi Vạc
	Thôn Thành Giang	Sông Cầu Chày (hữu Cầu Chày)	156	730	156	730	Nhà cao tầng, các hộ dân nội đô
39	Xã Thọ Xuân				35	138	

TT	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thôn Xuân Phá 1	Sông Tiêu Thủy			8	26	Nhà văn hóa thôn Xuân Phá 1
	Thôn Xuân Phá 2	Sông Tiêu Thủy			1	2	Nhà văn hóa thôn Xuân Phá 2
	Thôn Hòa Bình, Bắc Tiến	Sông Tiêu Thủy			18	74	Trường dạy nghề Thọ Xuân
	Thôn Bắc Tiến	Sông Tiêu Thủy			8	36	

**Phụ lục 4B: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN SÔNG (NƠI KHÔNG CÓ ĐÊ) CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI
CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026**
(Chi tiết đến thôn)

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	TỔNG		4.079	16.697	2.954	11.906	
1	Xã Thọ Long		210	904	30	121	
	Nam Thượng	Sông Hoàng	15	48			
	Hội Hiền	Sông Hoàng	6	30	8	40	Trường Mầm Non Tây Hồ
	Đồng Nãi	Sông Hoàng	16	51			
	Mỹ Thượng	Sông Hoàng	5	16			
	Mỹ Thượng 3	Sông Hoàng	3	10			
	Trung Thôn 1	Sông Hoàng	1	4			
	Mỹ Hạ	Sông Hoàng	10	53	1	3	Trụ sở Đảng uỷ xã
	Trung Thôn	Sông Hoàng	8	21	7	20	Trụ sở UBND xã
	Nhuế Thôn	Sông Hoàng	25	79			
	Phúc Thượng	Sông Hoàng	16	75			
	Phúc Hạ	Sông Hoàng	27	115	3	10	Nhà văn hoá thôn Phúc Hạ
	Phong Lạc 1	Sông Hoàng	1	4	10	47	Nhà văn hoá Phong Lạc 1
	Cao Phong	Sông Hoàng	6	26			
	Kim Bảng	Sông Hoàng	3	14			
	Phong Lạc 2	Sông Hoàng	10	45			
	Thôn 2	Sông Hoàng	5	25			
	Thôn 3	Sông Hoàng	2	18			
	Thôn 4	Sông Hoàng	3	7			
	Thôn 5	Sông Hoàng	1	5			
	Thôn 6	Sông Hoàng	3	12	1	1	Nhà văn hoá Thôn 6
	Đại Lữ	Sông Hoàng	6	30			
	Mạnh Chư	Sông Hoàng	3	11			
	Làng Dừa	Sông Hoàng	35	205			
2	Xã Thành Vinh		948	3.890	187	756	
	Đồng Luật	Sông Bưởi	20	76	4	25	Nhà văn hóa thôn
	Phong Phú	Sông Bưởi	61	266	36	125	Đồi Me, Chòm cỏ
	Vân Đình	Sông Bưởi	33	150	18	56	Đình Mường Đòn
	Vân Tiến	Sông Bưởi	99	408	35	168	Đồi rừng chèo, đồi Vó
	Tây Hương	Sông Bưởi	65	265	29	118	Khu vực dốc dơ
	Lệ Cẩm 1	Sông Bưởi	36	141	24	98	
	Lệ Cẩm 2	Sông Bưởi	24	59	10	42	
	Thống Nhất	Sông Bưởi	78	321	8	32	Nhà văn hóa thôn
	Quyết Thắng	Sông Bưởi	130	520	20	80	
	Tân Long	Sông Bưởi	32	124			
	Lộc Phượng 1	Sông Bưởi	96	472			

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Lộc Phụng 2	Sông Bưởi	87	348	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Bãi Cháy	Sông Bưởi	57	220			
	Hồi Phú	Sông Bưởi	130	520			
3	Xã Thạch Quảng		282	1.314			
	Thôn Biện	Sông Bưởi	91	423			
	Thôn Dồi	Sông Bưởi	84	401			
	Quảng Giang	Sông Bưởi	56	268			
	Quảng Cư	Sông Bưởi	10	40			
	Quảng Tân	Sông Bưởi	14	64			
	Quảng Thắng	Sông Bưởi	9	42			
	Thôn Nghéo	Sông Bưởi	18	76			
4	Xã Thạch Bình		553	2.344	7	33	
	Thôn Xuân Long	Sông Bưởi	8	36			
	Thôn Thành Quang	Sông Bưởi	42	176			
	Thôn Cẩm Lợi 1	Sông Bưởi	69	303			
	Thôn Cẩm Lợi 2	Sông Bưởi	24	122			
	Thôn Thạch Yên	Sông Bưởi	36	145			
	Thôn Thạch Môn	Sông Bưởi	39	146			
	Thôn Bình Chính	Sông Bưởi	103	469			
	Thôn Bình Sậy	Sông Bưởi	17	68			
	Thôn Liên Sơn	Sông Bưởi	7	32			
	Thôn Đồng Hương	Sông Bưởi	44	180			
	Thôn Tân Sơn	Sông Bưởi	164	667			
	Thôn Yên Khánh	Sông Bưởi			6	29	Đồi Gò Bò
	Thôn Yên Phú	Sông Bưởi			1	4	
5	Xã Cẩm Tú		446	1.909	6	21	
	Thôn Kim Mắm	Sông Mã	235	1.019	6	21	Công sở xã Cẩm Lương cũ
	Thôn Hòa Thuận	Sông Mã	52	192			
	Thôn Giang Sơn	Sông Mã	30	117			
	Thôn Giang Trung	Sông Mã	5	15			
	Thôn Giang Hồng 1	Sông Mã	47	219			
	Thôn Liên Sơn	Sông Mã	77	347			
6	Xã Cẩm Tân		88	369			
	Do Thượng	Sông Mã	3	14			
	Phiến thôn	Sông Mã	12	43			
	Trung Hà	Sông Mã	2	3			
	Phú Xuân	Sông Mã	32	132			
	Eo Lê	Sông Mã	39	177			
7	Xã Cẩm Thủy		771	2.828	1.230	4.839	
	Thôn Đại Quang	Sông Mã			65	247	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 300m
	Thôn Hòa Bình	Sông Mã			8	20	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 200m

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Thôn Quang Trung	Sông Mã			9	30	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 400m
	Thôn Tân An	Sông Mã	120	480	155	689	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn và sân vận động xã cách vị trí 500-800m
	Thôn Đại Đồng	Sông Mã			78	295	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 200-300m
	Thôn Hoàng Giang	Sông Mã			71	241	Khu Công an (Thị trấn Phong Sơn cũ) cách 800m
	Thôn Gia Dụ	Sông Mã			223	906	Chuyển về trạm y tế, hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp khu ven đường Hồ Chí Minh cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Linh Thung	Sông Mã			28	122	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 400m
	Thôn Cửa Hà	Sông Mã	210	706	70	245	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 190m
	Thôn Dương Đình Huệ	Sông Mã	84	264	30	100	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 200-500m
	Thôn Đồng Chạ	Sông Mã			14	57	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn cách vị trí 300m
	Thôn Nghĩa Dũng	Sông Mã	200	740	165	660	Chuyển về khu Nhà thờ giáo xứ Phong Ý
	Thôn Phong Ý	Sông Mã	157	638	200	800	Chuyển về khu Trường tiểu học Cẩm Phong
	Thôn Từ Niêm	Sông Mã			22	56	Chuyển về khu nhà Văn hóa thôn
	Thôn Sổng	Sông Mã			14	61	
	Thôn Phúc Ngán Vải	Sông Mã			17	73	
	Thôn Kim	Sông Mã			54	209	
	Thôn Sành	Sông Mã			7	28	
8	Xã Cẩm Vân		318	1.193			
	Vân Cát	Sông Mã	205	755			
	Vân Quan	Sông Mã	50	185			
	Vân Bằng	Sông Mã	25	100			
	Tiêng Lãng	Sông Mã	5	21			
	Tường Yên	Sông Mã	20	75			
	Đồi Vàng	Sông Mã	7	30			
	Trâm Lụt	Sông Mã	6	27			
9	Xã Cẩm Thạch				744	3.062	
	Thôn Chén	Sông Mã			32	134	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 100m
	Thôn Chiềng Đông	Sông Mã			98	332	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 300m và nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Búi	Sông Mã			30	143	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí từ 25- 100m
	Thôn Vàn Thung	Sông Mã			52	183	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 150m và nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Cốc	Khe suối			6	14	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 200m
	Thôn Bẹt	Khe suối			8	33	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 150m và nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Bình Yên	Sông Mã			35	136	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Vinh	Sông Mã			48	193	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí từ 25- 100m
	Thôn Chợ	Sông Mã			108	550	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí từ 200m
	Thôn Sẻ	Sông Mã			45	183	
	Thôn Tô	Sông Mã			3	12	
	Thôn Bình Sơn	Sông Mã			13	79	

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Thôn Hạc Sơn	Sông Mã			155	625	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Xanh	Sông Mã			39	148	
	Thôn Năm Trện	Sông Mã			23	87	
	Ngọc Khặt	Sông Mã			13	56	
	Thôn Thành Long	Sông Mã			19	66	
	Thôn Chiềng Chanh	Sông Mã			14	73	
	Thôn Bèo Bọt	Sông Mã			3	15	
10	Xã Mậu Lâm		97	367			
	Phú Phượng 4	Khe Đồng Tân	3	16			
	Phú Nhuận	Khe Ngát	6	26			
	Bái Gạo 2	Khe tràn liên hồ Cây Sú	2	6			
	Bái Gạo 1	Khe tràn liên hồ Cây Sú	1	6			
	Đồng Nghiêm	Khe tràn liên hồ Cây Sú	1	6			
	Khe Sinh	Khe Cầu	2	5			
	Đồng Xuân	Khe tràn hồ Mậu Lâm	8	33			
	Phú Quang	Khe Ngát	9	33			
	Đồng Mọc	Khe Ngát	2	5			
	Đồng Sinh	Khe Ngát	9	31			
	Thanh Sơn	Khe Cầu	10	29			
	Phú Sơn	Thượng nguồn Sông Yên	44	171			
11	Xã Xuân Bình				28	124	
	Thôn Ngòi	Suối Lá Dong			5	27	Nhà văn hoá thôn Thôn Ngòi
	Thôn Nghiu	Suối Lá Dong			4	14	Nhà văn hoá thôn Thôn Nghiu
	Thôn Cầu	Sông Sào			4	17	Nhà văn hoá thôn Thôn Cầu
	Xuân Khánh	Sông Sào			6	25	Nhà văn hoá thôn Xuân Khánh
	Thôn 3	Sông Sào			4	18	Nhà văn hoá thôn Thôn 3
	Thôn Hào	Sông Sào			5	23	Nhà văn hoá thôn Thôn Hào
12	Xã Lương Sơn				111	480	
	Thôn Ngọc Thượng	Suối Trác			5	33	NVH thôn, các hộ khu vực cao liền
	Thôn Lương Thịnh	Suối Hón Giường			17	67	NVH thôn, Trường tiểu học 1
	Thôn Ngọc Sơn	Suối Hón Giường			11	44	NVH thôn , Hội trường đa năng xã.
	Thôn Lương Thiện	Suối			36	158	NVH thôn, các hộ khu vực cao liền
	Thôn Trung Thành	Suối			12	48	
	Thôn Minh Quang	Suối Nguồn			23	95	
	Thôn Minh Ngọc	Suối Minh Ngọc			7	35	
13	Xã Luận Thành				53	193	
	Cao Tiến	Sông Đăn			26	95	Nhà VH thôn; Nhà người thân, hàng xóm
	Quyết Tiến	Sông Đăn			9	40	
	Trung Nam	Sông Đăn			14	43	
	Xuân Thắng	Sông Đăn			4	15	
14	Xã Xuân Chinh		45	233			

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thôn Chẽ Dài	Sông Đạt	10	65			
	Thôn Lẹ Tà	Sông Lẹ	3	13			
	Thôn Liên Sơn	Sông Lẹ	2	9			
	Thôn Bàn Tạn	Sông Bọng	2	7			
	Thôn Bọng Năng	Sông Bọng	9	48			
	Thôn Duông Bai	Sông Bọng	5	26			
	Thôn Giang	Sông Ạc	2	7			
	Thôn Chính	Sông Ạc	9	47			
	Thôn Tú Ạc	Sông Ạc	3	11			
15	Xã ThẮng LỘc		26	101			
	Thôn Xem Đốt	Sông Đốt	2	11			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiếng	Sông Luộc	12	43			
	Thôn Pà Cầu	Sông Luộc	12	47			
16	Xã Minh SƠN				162	661	
	Thôn Minh Thái	Sông Cầu Chày			15	58	Nhà văn hoá thôn Minh Thái
	Thôn Minh Thủy	Sông Cầu Chày			79	325	Nhà văn hoá thôn Minh Thủy, nhà điều hành kênh Bắc
	Thôn Minh Hoà	Sông Cầu Chày			15	62	Nhà văn hoá thôn Minh Hoà
	Thôn Minh ThẮng	Sông Cầu Chày			40	156	Nhà văn hoá thôn Minh ThẮng, điểm trường mầm non
	Thôn Minh Lai	Sông Cầu Chày			13	60	Nhà văn hoá thôn Minh Lai
17	Xã Kiên ThỌ		17	63			
	Minh Lải	Sông Âm	5	22			Trường học, nhà văn hóa thôn
	Làng Cốc	Sông Âm	4	13			
	Làng Chu	Sông Âm	3	11			
	Làng Thượng	Sông Âm	2	7			
	Làng Miếng	Sông Âm	3	10			
18	Xã Ngọc LẶc		144	633	35	144	
	Tân Thành		17	66	6	25	Nhà ông Phạm Hùng Minh và các hộ dân gần nhất đảm bảo an toàn
	Cao Thượng				14	52	Nhà văn hóa thôn Cao Thượng
	Cao Phong				8	35	Nhà văn hóa thôn Cao Phong
	Vân Sơn		1	5	7	32	Nhà văn hóa thôn Vân Sơn
	Xuân Sơn		15	67			
	Lê Duẩn		78	351			
	Lê Lợi		25	108			
	Lê Thánh Tông		8	36			
19	Xã Ngọc LiÊN		35	155	35	155	
	Thôn 9	Sông Hép	7	28	7	28	Các công sở, trường học, nhà văn hóa thôn, bản
	Làng Cò Chè	Sông Hép	3	13	3	13	
	Làng Ngã Hón	Sông Hép	2	10	2	10	
	Thôn Xuân Minh	Sông Cầu Chày	8	32	8	32	
	Thôn Trung Thành	Sông Cầu Chày	8	42	8	42	

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Làng 61	Sông Hép	1	2	1	2	
	Làng Lim Còm	Sông Hép	4	15	4	15	
	Thôn Khang Ninh	Sông Hép	2	13	2	13	
20	Xã Nguyệt Ấn		61	261			
	Thôn Đầm Vân Giang		12	52			
	Thôn Âm		14	56			
	Thôn Mết		11	47			
	Thôn Rê		12	50			
	Làng Môn		5	24			
	Làng Bằng		7	32			
21	Xã Linh Sơn				44	181	
	Chiềng Trãi	Sông Âm			44	181	Trường tiểu học Linh Sơn, Bệnh viện đa Khoa
22	Xã Đồng Lương				3	16	
	Thôn Tân Lập	Sông Âm			3	16	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, trường tiểu học khu Tân Lập
23	Xã Giao An		4	9			
	Thôn Bắc Nặm	Sông Âm	4	9			
24	Xã Yên Khương		1	4			
	Bản Yên Bình		1	4			
25	Xã Quý Lương				127	562	
	Chòm Mót	Sông Mã			26	105	Nhà văn hóa thôn/bản
	Thôn Giầu Cả	Sông Mã			16	85	
	Thôn Dân Long	Sông Mã			85	372	
26	Xã Thiết Ống		17	61			
	Thôn Trếch	Suối hồ Khuôn	1	3			
	Thôn Hang	Suối Đuôi Đồng	4	19			
	Thôn Thuý	Suối Cái	1	3			
	Thôn Quyết Thắng	Sông Mã	4	18			
	Đồng Tâm 1	Suối Ngọc Yếng	7	18			
27	Xã Trung Sơn				14	49	
	Bản Ta Bán	Sông Mã			3	10	Nhà văn hóa thôn/bản
	Bản Co Me	Sông Mã			3	15	Nhà văn hóa thôn/bản, Nhà dân
	Bản Chiềng	Sông Mã			3	9	Nhà dân
	Bản Pạo	Sông Mã			5	15	Trường THCS (Cấp 2)
28	Xã Phú Lệ				1	3	
	Bản Chiềng	Sông Mã			1	3	Nhà VH hoặc nhà người thân trong bản
29	Xã Trung Hạ				65	257	
	Bản Tong	Sông Lò			3	12	Nhà văn hóa bản đến nhà người quen trong bản
	Bản Din	Sông Lò			1	5	
	Bản Chiềng Xảy	Sông Lò			25	100	

	Địa điểm	Triền sông	Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	Bản Pọng	Sông Lò			4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lâm	Sông Lò			3	16	
	Bản La	Sông Lò			3	15	
	Bản Cạn	Sông Lò			3	15	
	Bản Phú Nam	Sông Lò			8	24	đến nhà người quen trong bản
	Bản Xanh	Sông Lò			4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lợi	Sông Lò			3	15	đến nhà người quen trong bản
	Bản Phụn	Sông Lò			1	4	Nhà văn hóa bản
	Bản Bá	Sông Lò			1	2	
	Bản Xầy	Sông Lò			4	10	
	Bản Lốc	Sông Lò			2	11	
30	Xã Quan Sơn		16	59	29	121	
	Khu phố 5	Sông Lò	10	35	26	106	Nhà Văn hóa khu phố 4
	Khu phố 4	Sông Lò			3	15	
	Khu phố 3	Sông Lò	1	4			
	Khu phố 1	Sông Lò	3	10			
	Khu phố Păng	Sông Lò	2	10			
31	Xã Sơn Thủy				8	32	
	Bản Muống	Suối Xia			8	32	Nhà văn hóa bản
32	Xã Tam Thanh				35	96	
	Bản Bôn	Sông Lò			2	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Kham	Sông Lò			5	6	
	Bản Phe	Suối Pa			5	18	
	Bản Cha Lung	Suối Pa			4	11	
	Bản Ngảm	Sông Lò			4	9	
	Bản Na Ấu	Sông Lò			4	12	
	Bản Pa	Suối Pa			5	14	
	Bản Mỏ	Sông Lò			6	17	

**Phụ lục 5B: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở VÙNG TRũng THẤP CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ MƯA LỚN CẦN
PHẢI SƠ TÁN, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026**

(Chi tiết đến thôn)

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
	TỔNG	16.447	62.987	13.515	39.716	
1	Phường Quảng phú	37	121	-	-	
	Phố 1	4	16	-	-	Trường tiểu học
	Phố 2	3	5	-	-	Trường tiểu học
	Hưng Thành	30	100	-	0	Nhà văn hóa, Trường tiểu học
2	Phường Đông Tiến	-	-	-	-	
3	Phường Sầm Sơn	1.613	6.155	4.452	9.495	
	TDP. Trung Thịnh	15	68	-	-	Nhà cao tầng
	TDP. Tân Lập	16	72	-	-	Nhà cao tầng
	TDP. Long Sơn	-	-	1	9	Nhà văn hóa Long Sơn
	TDP. Khánh Sơn	-	-	2	20	Nhà văn hóa Khánh Sơn
	TDP. Lập Công	-	-	14	52	Nhà cao tầng
	TDP. Quang Vinh	60	242	-	-	Nhà cao tầng
	TDP. Vinh Sơn	354	1.328	-	-	Nhà cao tầng
	TDP. Châu Lộc	120	428	60	286	Trường Cấp 1; Cấp 2
	TDP. Châu Giang	-	-	47	152	Mầm non, Y tế
4	Phường Hải Bình	-	-	279	974	
	Đoan Hùng	-	-	60	250	Trường Mầm non Mai Lâm, Nhà Văn Hóa
	Hữu Lại	-	-	110	340	Trường Mầm non Mai Lâm, Nhà Văn Hóa
	Kim Sơn	-	-	25	90	Nhà văn hóa
	Hữu Tài	-	-	30	120	Nhà văn hóa
	Tân Thành	-	-	20	50	Nhà văn hóa
	Kim Phú	-	-	34	124	Nhà văn hóa
5	Phường Ngọc Sơn	-	-	31	50	
	TDP Sơn Hạ	-	-	8	18	Nhà văn hóa TDP, Trường Mầm non, Trường THCS
	TDP Tào Sơn	-	-	5	6	Nhà văn hóa TDP, Trường Mầm non, Trường THCS
	TDP Đồng Minh	-	-	10	15	Nhà văn hóa TDP, Trường Mầm non, Trường THCS

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	TDP Phượng Cát	-	-	3	6	Nhà văn hóa TDP, Trường Mầm non, Trường THCS
	TDP Nhật Tân	-	-	5	5	Nhà văn hóa TDP, Trường Mầm non, Trường THCS
6	Phường Tân Dân	-	-	185	820	
	TDP 15	-	-	50	288	Trường THCS
	TDP 16	-	-	35	148	Trường THCS
	TDP 12	-	-	25	115	Trường THCS
	TDP Minh Sơn	-	-	16	46	Nhà trường
	TDP Hồ Thịnh	-	-	14	51	Nhà trường
	TDP Hồ Trung	-	-	5	18	UBND phường
	TDP Hồ Thượng	-	-	40	154	Nhà văn hoá TDP
7	Phường Hải Lĩnh	18	50	-	-	
	TDP Phú Tây	8	22	-	-	
	TDP Định Hải	10	28	-	-	
8	Phường Đào Duy Từ	-	-	7	9	
	TDP Nỗ Giáp 1	-	-	1	1	Nhà người thân
	TDP Tào Trung	-	-	1	2	Nhà người thân
	TDP Phú Quang	-	-	2	2	Nhà người thân
	TDP Nỗ Giáp 2	-	-	2	2	Nhà người thân
	TDP Quyết Thắng	-	-	1	2	Nhà người thân
9	Phường Trúc Lâm	-	-	73	276	
	TDP Văn Sơn	-	-	6	23	Nhà văn hóa TDP Văn Sơn
	TDP Tây Sơn	-	-	10	37	Nhà văn hóa TDP Tây Sơn
	TDP Đông Sơn	-	-	10	35	Nhà văn hóa TDP Đông Sơn
	TDP Bắc Sơn	-	-	22	93	Nhà văn hóa TDP Bắc Sơn
	TDP Nam Sơn	-	-	15	45	Nhà văn hóa TDP Nam Sơn
	TDP Hợp Nhất	-	-	3	15	Nhà văn hóa TDP Hợp Nhất
	TDP Bình Sơn	-	-	7	28	Nhà văn hóa TDP Bình Sơn
10	Phường Nghi Sơn	-	-	130	461	
	TDP Nam Hải	-	-	37	135	Trường Tiểu học, THCS, Mầm non, nhà nghỉ, khách sạn và khu dân cư trên địa bàn
	TDP Cao Nam	-	-	4	14	
	TDP Cao Bắc	-	-	17	72	
	TDP Liên Sơn	-	-	20	65	
	TDP Liên Đình	-	-	12	41	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	TDP Liên Trung	-	-	18	67	
	TDP Liên Hải	-	-	22	67	
11	Phường Các Sơn	-	-	1.296	1.296	
	Thôn Phú Sơn			191	191	- Vị trí chuyển dân lên đồi Núi Lạn (đường Thọ Xuân), khoảng cách 30 m, Độ cao (+17)m.
	Thôn Trường Sơn			300	300	- Vị trí chuyển dân lên: Lên đồi Mã Dê, chân Núi Các. khoảng cách 280m, Độ cao (+17)m.
	Thôn Các			220	220	- Vị trí chuyển dân lên: chân Núi Các, khoảng cách 300m, độ cao (+10)m.
	Thôn Hải Sơn			146	146	- Vị trí chuyển dân lên: Chân đồi Núi Các, khoảng cách 350m, độ cao (+15)m.
	Thôn Hoành Sơn			293	293	- Vị trí chuyển dân lên: Chân đồi Núi Các, khoảng cách 1000m, độ cao (+15)m.
	Thôn An Cư			120	120	- Vị trí chuyển dân lên Trung tâm thôn Yên Tôn Khoảng cách 800 m, Độ cao (+ 5)m .
	Thôn Yên Tôn			15	15	- Hướng di chuyển dân: Hướng Bắc : Theo hướng đường liên thôn đi Nhà văn hóa
	Thôn Cổ Trinh			11	11	- Vị trí chuyển dân lên Nhà Văn Hóa thôn Cổ Trinh Khoảng cách 300 m, Độ cao (+ 6)m .
12	Phường Trường Lâm	-	-	72	288	
	Thôn Thông Bái	-	-	72	288	Sơ tán đến Trường Tiểu học Tân Trường
13	Phường Quang Trung	140	550	41	185	
	Tổ dân phố 1	15	65	8	45	
	Tổ dân phố 2	14	63	9	46	
	Tổ dân phố 3	13	41	7	29	
	Tổ dân phố 4	8	46	6	23	
	Tổ dân phố 5	6	25	11	42	
	Tổ dân phố 3 Ngọc Trạo	23	92	-	-	
	Tổ dân phố 11 Ngọc Trạo	9	28	-	-	
	Tổ dân phố 13 Ngọc Trạo	15	60	-	-	
	Tổ dân phố 14 Ngọc Trạo	5	21	-	-	
	Tổ dân phố 6 Bắc Sơn	15	50	-	-	
	Tổ dân phố 9 Bắc Sơn	7	22	-	-	
	Tổ dân phố 10 Bắc Sơn	10	37	-	-	
14	Xã Nga An	315	1.303	50	129	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Ngưu Sơn	104	443	17	45	Nhà văn hoá thôn nhân sơn, Trường THCS, Tiểu
	Thôn Bình Hoà	103	432	15	38	
	Thôn Minh Đức	108	428	18	46	
15	Xã Tân Tiến	102	211	-	-	
	Thôn 10	3	6	-	-	
	Thôn 11	6	12	-	-	
	Thôn 12	4	8	-	-	
	Thôn 13	1	2	-	-	
	Thôn 15	5	10	-	-	
	Thôn 16	4	15	-	-	
	Thôn 17	9	18	-	-	
	Thôn 18	2	4	-	-	
	Thôn 19	11	22	-	-	
	Thôn 20	8	16	-	-	
	Thôn 21	12	24	-	-	
	Thôn 22	18	36	-	-	
	Thôn 23	9	18	-	-	
	Thôn 24	10	20	-	-	
16	Xã Nga Thắng	52	163	62	191	
	Thôn 3 (Nga Phụng cũ)	-	-	2	4	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 5 (Nga Phụng cũ)	-	-	5	18	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn Hội Khê	10	20	26	82	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn Vân Hoàn	2	9	8	15	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn G. Uẩn	-	-	21	72	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 1(Nga Văn cũ)	2	7	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 2 (Nga Văn cũ)	5	17	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 3 (Nga Văn cũ)	6	17	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 4 (Nga Văn cũ)	2	4	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 5 (Nga Văn cũ)	6	18	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn 6 (Nga Văn cũ)	7	20	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn Giáp	11	47	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
	Thôn Trung Cự	1	4	-	-	Nhà ở hộ gia đình trong thôn
17	Xã Hồ Vương	341	1.630	-	-	
	Thôn 5	250	1.265	-	-	Ban chỉ huy quân sự xã Hồ Vương (UBND xã Nga
	Thôn Nam Lộc	50	209	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn 6	41	156	-	-	
18	Xã Ba Đình	58	120	104	220	
	Thôn Chiến Thắng	-	-	22	73	Trường mầm Non
	Thôn An Thọ	7	27	55	74	Trường THHCS
	Thôn Tứ Thôn	4	14	20	51	Trạm y tế
	Thôn Hợp Long 1	-	-	7	22	Nhà cao tầng
	Thôn Mỹ Thịnh	3	6	-	-	NVH thôn
	Thôn Tri Thiện 1	15	31	-	-	NVH thôn
	Thôn Tri Thiện 2	17	36	-	-	NVH thôn
	Thôn Tri Thiện 3	20	42	-	-	NVH thôn
	Thôn Từ Sơn	3	5	-	-	NVH thôn
19	Xã Triệu Lộc	118	354	827	3.167	
	Thôn Đại Sơn	118	354	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Phú Lý	-	-	265	879	Núi Dẻ, núi Mai, núi Sứa
	Thôn Y Ngô	-	-	300	1.167	Trường tiểu học, núi Nha
	Thôn Ngọc Trì	-	-	262	1.121	Trường PTTH Hậu Lộc 3
20	Xã Hoa Lộc	713	2.712	21	55	
	Thôn Hoa Trường	8	35	-	-	
	Thôn Phú Đa	89	323	-	-	
	Thôn Xuân Yên	78	298	-	-	
	Thôn Thuần Nhất	47	189	-	-	
	Thôn Hoà Phú	63	231	5	14	Trường Tiểu học Hoà Lộc
	Thôn 2 Tam Hoà	71	288	6	17	Trường Tiểu học Hoà Lộc
	Thôn Nam Huân	48	153	3	5	Trường Tiểu học Hoà Lộc
	Thôn Bái Hà Xuân	143	532	4	11	Nhà văn hóa thôn Bái Hà Xuân
	Thôn Đông Thịnh	66	258	-	-	
	Thôn Phú Mỹ	100	405	3	8	Nhà văn hóa thôn Phú Mỹ
21	Xã Hoằng Châu	994	4.306	-	-	
	Châu Triều	316	1.346	-	-	
	Phượng Khê	370	1.570	-	-	
	Ngọc Long	308	1.390	-	-	
22	Xã Tống Sơn	210	819	160	611	
	Đô Mỹ	17	53	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Vỹ Liệt	-	-	30	105	Trường cấp 1, cấp 2 Hà tân
	Tân Sơn	-	-	1	4	Trường cấp 1, cấp 2 Hà tân

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Nam Thôn	-	-	11	45	Nhà văn hóa thôn
	Quan Tương	-	-	8	30	Nhà văn hóa thôn
	Tam Quy	-	-	12	52	Đồi Đĩa
	Bồng Sơn	-	-	7	14	Nhà Văn hóa thôn
	Đầm Sen	19	83	-	-	
	Bái Sậy	20	70	-	-	
	Đồng Ô	-	-	35	147	Nhà văn hóa thôn
	Hương Đạm	-	-	6	17	Nhà văn hóa thôn
	Bái Sơn	12	34	-	-	
	Đồng Tiến	68	280	-	-	
	Đồng Bồng	24	70	-	-	
	Vinh An	-	-	22	80	Nhà Văn hóa thôn
	Hà Hợp	5	35	1	5	Nhà văn hóa thôn
	Cầm Cường	12	35	4	19	Nhà văn hóa thôn
	Chí Phúc	-	-	6	22	Nhà văn hóa thôn
	Thanh Xá 2	-	-	2	11	Nhà văn hóa thôn
	Thanh Xá 3	25	120	15	60	Nhà văn hóa thôn
	Tiên Hòa 4	8	39	-	-	
23	Xã Hà Long	74	269	-	-	
	Gia Miêu	11	40	-	-	
	Đại Sơn	23	69	-	-	
	Song nga	40	160	-	-	
24	Xã Hoạt Giang	132	568	57	249	
	Thôn Vân Yên	35	154	-	-	
	Thôn Yên Xá	23	99	-	-	
	Thôn Thổ Khối	10	36	-	-	
	Thôn Đông Thôn	37	160	-	-	
	Thôn Vân Điền	20	88	-	-	
	Thôn Vân Hưng	7	31	57	249	Nhà văn hóa thôn Vân Hưng
25	Xã Linh Toại	2	8	291	954	
	Cụ Thôn	-	-	54	178	Nhà văn hóa thôn
	Đại Sơn	-	-	30	95	Nhà văn hóa thôn
	Độ Thôn	-	-	56	149	UBND xã Hà Toại (cũ)
	Bang Thôn	-	-	44	111	Công sở xã Hà Toại cũ
	Chế Thôn	-	-	7	20	Nhà văn hóa thôn

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Đông Yên	-	-	66	288	Trường Tiểu học
	Thôn Như Lăng	-	-	16	81	UBND xã
	Thôn Thạch Quật 1	-	-	16	25	Nhà người thân
	Thôn Phú Thọ	2	8	2	7	Nhà người thân
26	Xã Quảng Yên	9	25	-	-	
	Xuân Tiến	9	25	-	-	Nhà ở của hộ ở khu vực trong đê
27	Xã Quảng Bình	85	347	21	85	
	Thôn 1	11	44	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	8	31	2	7	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3	9	37	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 4	9	38	3	14	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 5	7	30	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 6	8	32	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 7	9	35	2	7	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	8	33	2	9	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 9	9	38	1	4	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 10	7	29	2	8	Nhà văn hóa thôn
28	Xã Thắng Lợi	1.130	3.970	-	-	
	Tế Độ	120	410	-	-	
	Châu Sơn	150	510	-	-	
	Hợp Nhất	350	1.150	-	-	
	Thịnh Lạc	200	790	-	-	
	Yên Nông	80	315	-	-	
	Đông Hưng	120	390	-	-	
	Đạt Tiến 2	80	305	-	-	
	Nhân Nhượng	30	100	-	-	
29	Xã Trung Chính	2.847	10.894	68	209	
	Đông Cao	147	621	-	-	
	Đông Thắng	203	723	5	21	Nhà Văn hoá thôn
	Thanh Sơn	304	1.311	5	18	Trường học
	Tổng Sở	185	675	-	-	
	Bì Kiều	152	569	15	43	Trường học
	Mỹ Thanh	413	1.675	3	10	Nhà văn hoá thôn
	Tân Ấp	33	110	-	-	
	Ngọc Tháp	75	281	13	52	Nhà văn hoá thôn

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Trình Kiệt	23	74	2	4	Nhà văn hoá thôn
	Lai Thịnh	401	1.543	11	30	Trường học
	Tân Sơn	397	1.217	6	13	Trường học
	Tân Cầu	466	1.982	8	18	Trường học
	Nhâm Cát	28	60	-	-	
	Yên Mỗ	15	40	-	-	
	Thái Sơn	5	13	-	-	
30	Xã Thăng Bình	8	28	8	28	
	Thôn Mỹ Quang	6	22	6	22	Hàng xóm có nhà ở kiên cố
	Thôn Thọ Đông	2	6	2	6	Hàng xóm có nhà ở kiên cố
31	Xã Tượng Lĩnh	-	-	519	2.127	
	Thôn Thị Long	-	-	3	15	Nhà các hộ ở chân núi thôn
	Thôn Thái Tượng	-	-	27	128	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bồng Sơn	-	-	208	837	Trường Mầm non Tượng Sơn; Nhà các hộ dân ở khu vực cao hơn
	Thôn Cát Vinh	-	-	22	101	Các nhà có vị trí cao hơn trong thôn
	Thân Đức Phú Vân	-	-	5	25	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Kén	-	-	179	763	Nhà văn hóa, Nhà làm việc của hội đồng giáo xứ
	Thôn Vĩnh Quang	-	-	4	13	Trường học; Nhà các hộ có vị trí cao hơn
	Thôn Trúc Đại	-	-	3	15	Nhà các hộ có vị trí cao hơn; Nhà họ hàng
	Thôn Thọ Xương	-	-	68	230	Nhà các hộ có vị trí cao hơn.
32	Xã Công Chính	400	1.580	440	1.760	
	Yên Nắm	120	480	180	720	Nhà văn hóa thôn, Trường THCS
	Thái Sơn	150	580	140	560	Trường Tiểu học xã Công Chính
	Thái Yên	130	520	120	480	Trường Tiểu học, bưu điện xã
33	Xã Triệu Sơn	90	360	-	-	
	Thôn Thiện Chính	30	124	-	-	
	Thôn Đô Xá	7	28	-	-	
	Thôn Bản thiện 1	-	-	-	-	
	Thôn Bản thiện 3	-	-	-	-	
	Thôn Thiết Cương 2	26	102	-	-	
	Thôn Phú Vinh	2	6	-	-	
	Thôn Thiết Cương 1	25	100	-	-	
34	Xã Thọ Bình	20	80	24	118	
	Thôn 10	-	-	7	35	Nhà văn hóa thôn

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn 19	20	80	11	55	Tại chỗ và nhà văn hóa thôn
	Thôn Thoi	-	-	5	25	Nhà văn hóa thôn
35	Thôn Bao Lâm	-	-	1	3	Nhà văn hóa thôn
	Xã Thọ Ngọc	169	551	-	-	
	Thôn 1	8	33	-	-	
	Thôn 11	86	258	-	-	
	Thôn 16	15	46	-	-	
	Thôn 27	13	44	-	-	
	Thôn 19	15	54	-	-	
	Thôn 18	12	41	-	-	
	Thôn 20	20	75	-	-	
36	Xã Thọ Phú	58	211	5	14	
	Quan Thành	31	101	5	14	Nhà Văn hóa thôn
	Thủy Tú	15	65	-	-	Nhà Văn hóa thôn
	Thu Đông	12	45	-	-	Nhà Văn hóa thôn
37	Xã Hợp Tiến	178	650	32	110	
	Thôn 1	8	26	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn 4	12	35	8	22	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn 5	10	40	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Văn Sơn	15	60	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Quang Thanh	15	52	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Đông Thành	20	78	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Nội Sơn	10	39	6	23	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Diễn Ngoại	20	75	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Lai Triều	10	38	3	12	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Trung Thành	12	42	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Châu Thành	12	35	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Sơn Hương	10	38	5	15	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Sơn Trung	15	56	10	38	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Cát Lợi	9	36	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
38	Xã An Nông	167	537	15	61	
	Thôn Nga Nha Pho	132	396	-	-	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hoàng Giang	35	141	-	-	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Gia Phú	-	-	15	61	Nhà Văn hóa thôn
39	Xã Tân Ninh	112	417	24	82	
	Thôn Thái Phong	5	19	2	7	Nhà VH, trường Tiểu học
	Thôn Thái Yên	7	28	2	8	Trường mầm non
	Tân An	25	95	5	21	Trường Mầm non
	Tân Định	33	125	5	15	Trường Tiểu học
	Thôn 6	42	150	10	31	Trường THCS
40	Xã Đồng Tiến	77	248	6	23	
	Đại Đồng 3	30	102	6	23	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Nhạ Lọc	6	21	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Trúc Chuẩn 2	2	5	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Đồng Xá 1	2	3	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Đồng Xá 2	2	2	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Đồng Vinh	7	24	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Phúc Âm 1	2	5	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Quần Nham 2	5	12	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Long Vân	6	19	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Lộc Nham	10	32	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Lộc Trạch	5	23	-	-	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
41	Xã Thọ Xuân	17	57	18	57	
	Thôn Xuân Phả 1	-	-	2	8	Nhà văn hóa thôn Xuân Phả 1
	Thôn Xuân Phả 2	-	-	10	32	Nhà văn hóa thôn Xuân Phả 2
	Thôn Quần Kênh 2	-	-	1	1	Nhà Văn hoá thôn Quần Kênh 2
	Thôn Yên Kênh	2	5	-	-	Nhà Văn hoá thôn Yên Kênh
	Thôn Lệ Trạch	15	52	-	-	Nhà Văn hoá thôn Lệ Trạch
	Thôn Tiến Lập	-	-	5	16	Nhà văn hóa thôn Tiến Lập
42	Xã Thọ Long	210	904	30	121	
	Nam Thượng	15	48	-	-	
	Hội Hiền	6	30	8	40	Trường Mầm Non Tây Hồ
	Đồng Nãi	16	51	-	-	
	Mỹ Thượng	5	16	-	-	
	Mỹ Thượng 3	3	10	-	-	
	Trung Thôn 1	1	4	-	-	
	Mỹ Hạ	10	53	1	3	Trụ sở đảng uỷ
	Trung Thôn	8	21	7	20	Trụ sở UBND xã
	Nhuê Thôn	25	79	-	-	
	Phúc Thượng	16	75	-	-	
	Phúc Hạ	27	115	3	10	Nhà văn hoá thôn Phúc Hạ
	Phong Lạc 1	1	4	10	47	Nhà văn hoá Phong Lạc 1
	Cao Phong	6	26	-	-	
	Kim Bảng	3	14	-	-	
	Phong Lạc 2	10	45	-	-	
	Thôn 2	5	25	-	-	
	Thôn 3	2	18	-	-	
	Thôn 4	3	7	-	-	
	Thôn 5	1	5	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn 6	3	12	1	1	Nhà văn hoá Thôn 6
	Đại Lữ	6	30	-	-	
	Mạnh Chư	3	11	-	-	
	Làng Dừa	35	205	-	-	
43	Xã Xuân Hoà	90	350	-	-	
	Thôn Thống Nhất	90	350	-	-	Tại chỗ
44	Xã Sao Vàng	-	-	104	481	
	Thôn 1	-	-	10	21	Nhà văn hóa thôn 1
	Thôn 3	-	-	9	25	Nhà văn hóa thôn 3
	Thôn 4	-	-	23	76	Nhà văn hóa thôn 4
	Thôn Hoàng Kim	-	-	50	216	Thôn Hoàng Kim, các nhà cao tầng
	Thôn Yên Cư	-	-	12	143	HT Đảng Ủy xã Sao vàng, các nhà cao tầng
45	Xã Lam Sơn	-	-	103	394	
	Thôn Xuân Tân	-	-	36	145	Nhà văn hóa thôn Xuân Tân
	Thôn Quyết Thắng	-	-	28	115	Nhà văn hóa thôn Quyết Thắng 1
	Thôn Hồng Phong	-	-	15	45	Nhà văn hóa thôn Hồng Phong
	Thôn Lam Sơn	-	-	24	89	Nhà văn hóa thôn Lam Sơn
46	Xã Thọ Lập	421	1.456	103	387	
47	Xã Xuân Tín	-	-	649	2.491	
	Thôn Quảng Phú	-	-	438	1.760	Nhà Văn hóa Thôn, UBND, Trường học
	Thôn Xuân Tín	-	-	211	731	Nhà Văn hóa Thôn, UBND, Trường học
48	Xã Xuân Lập	75	252	-	-	
	Thọ Tân	15	57	-	-	
	Thôn 1	20	68	-	-	
	Thôn 2	25	89	-	-	
	Phong Cốc	15	38	-	-	
49	Xã Thiệu Hóa	-	-	225	423	
	Thôn xóm 1	-	-	3	12	Nhà văn hóa thôn xóm 1
	Mật thôn	-	-	26	110	Nhà văn hóa Mật Thôn, Trường THCS Mầm Non Thiệu Phúc
	Nguyên Sơn	-	-	2	2	Nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Tân	-	-	1	1	Nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Thành	-	-	1	1	Nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Thắng	-	-	1	1	Nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Chợ Vạn hà	-	-	145	145	Di chuyển hàng hóa về nhà

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Đông Lỗ	-	-	42	145	Nhà văn hóa Đông Lỗ, Công sở cũ Thiệu Long
	Phú Lai	-	-	2	3	Nhà văn hóa thôn Phú Lai
	Phú Hưng	-	-	2	3	Nhà văn hóa thôn Phú Hưng
50	Xã Thiệu Trung	-	-	43	137	
	Khu phố 7	-	-	35	113	Trường Mầm non và trường trung cấp nghề Hưng Đô
	Khu phố 8	-	-	8	24	Trường Mầm non và trường trung cấp nghề Hưng Đô
51	Xã Thiệu Quang	190	763	-	-	
	Thôn Đương Phong	23	92	-	-	
	Thôn Nam Bằng 1	27	108	-	-	
	Thôn Xứ Nhân 1	1	5	-	-	
	Thôn Châu trưởng	11	45	-	-	
	Thôn Nhân Cao	20	75	-	-	
	Thôn Chí Cường 1	20	78	-	-	
	Thôn Chí Cường 2	9	37	-	-	
	Thôn Chí Cường 3	25	98	-	-	
	Thôn Vân Điền	32	135	-	-	
	Thôn Đa Lộc	22	90	-	-	
52	Xã Yên Trường	3	11	24	82	
	Thôn Phố Kiêu	3	11	12	25	Nhà VH thôn
	Thôn Thị Thư	-	-	2	9	Hộ trang trại về nhà ở của hộ tại thôn
	Thôn Phụng Lai	-	-	10	48	Hộ trang trại về nhà ở của hộ tại thôn
53	Xã Quý Lộc	496	1.525	44	142	
	Thôn Phong Mỹ	342	1.094	24	81	Tại trường Mầm Non khu B
	Thôn Phúc Trí	115	345	10	31	Tại nhà văn hóa thôn
	Thôn Quan Trì	30	60	10	30	Tại nhà văn hóa thôn
	Thôn 9	9	26	-	-	
54	Xã Yên Ninh	35	127	35	127	
	Thôn 1	2	7	2	7	Nhà Văn Hoá
	Thôn 3	32	115	32	115	Nhà Văn Hoá
	Phác Thôn 2	1	5	1	5	Nhà Văn Hoá
55	Xã Định Hòa	468	1.573	2	4	
	Tân Sen	88	335	-	-	
	Kênh Khê	81	336	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Nội Hà	1	2	-	-	
	Tiên Nông	215	705	-	-	
	Tường Vân	-	-	2	4	Công sở UBND xã Định Thành cũ
	Hải Quật	7	19	-	-	
	Cắm Trướng 1	5	11	-	-	
	Quan Yên	71	165	-	-	
56	Xã Vĩnh Lộc	18	89	63	267	
	Thôn Tân Phúc	17	85	-	-	Các khu đồi cao trong thôn
	Thôn 2	1	4	-	-	
	Thôn Quang Biểu	-	-	15	63	Núi Bìn
	Thôn Nghĩa Kỳ	-	-	10	38	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Giang Đông	-	-	12	58	Núi cầu
	Thôn Bồng Phồn	-	-	26	108	Núi Mương
57	Xã Tây Đô	165	592	308	926	
	Thôn Cắm Hoàng 1	16	57	-	-	
	Thôn Cắm Hoàng 2	28	60	-	-	
	Thôn Lê Sơn	15	55	-	-	
	Thôn Tiến Ích 1	18	75	-	-	
	Thôn Tiến Ích 2	24	90	-	-	
	Thôn Eo Lê	5	22	-	-	
	Thôn Quan Nhân	19	75	-	-	
	Thôn Mỹ Xuyên	-	-	70	516	Chân núi Voi
	Thôn Mỹ Sơn	-	-	196	264	Chân núi Voi
	Thôn Xuân Giai	13	52	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tây Giai	27	106	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đông Môn	-	-	25	87	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bèo	-	-	17	59	Nhà văn hóa thôn
58	Xã Kim Tân	554	2.382	196	714	
	Thôn Xuân Thành	33	139	-	-	
	Thôn Thủ Chính	10	37	-	-	
	Thôn Chính Thành	47	182	-	-	
	Thôn Bùi	22	78	-	-	
	Thôn Trạc	1	3	-	-	
	Thôn Thọ Trường	74	309	-	-	
	Thôn Đự	28	103	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Thành Văn	9	51	13	54	Nhà cao tầng, khu đồi "thấp" tại thôn
	Thôn Thành Thọ	30	148	15	45	Nhà cao tầng, khu đồi "cao", đồi "thấp" tại thôn
	Thôn Thành Hùng	34	202	30	105	Nhà cao tầng, khu đồi "cao" tại thôn
	Thôn Thọ Liêu	56	182	25	114	Nhà cao tầng, khu đồi đá, đồi khử
	Thôn An Tiến	66	291	30	97	Nhà cao tầng, khu UBND xã cũ, đồi than
	Thôn Vân Lương	82	350	50	214	Nhà cao tầng, đồi cao
	Thôn Phú Sơn	4	21	3	10	Nhà cao tầng, đồi Phú Sơn
	Thôn Lâm Thành	44	237	30	75	Nhà cao tầng, khu vực cao hơn
	Thôn 2 Tân Sơn	13	48	-	-	
	Thôn 2 Liên Sơn	1	1	-	-	
59	Xã Vân Du	112	489	15	63	
	Thôn Đồng Chư	10	40	15	63	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Bông Bụt	15	65	-	-	
	Thôn Cát Thành	16	83	-	-	
	Thôn Thạch Lỗi	20	85	-	-	
	Thôn Ngọc Động	17	74	-	-	
	Thôn Hòa Sơn	25	98	-	-	
	Phủ Bản	6	25	-	-	
	Đồng Phú	3	19	-	-	
60	Xã Ngọc Trạo	60	283	25	75	
	Thôn Ngọc Thanh	14	59	25	75	Trường Tiểu học Ngọc Trạo
	Thôn Eo Bàn	46	224	-	-	
61	Xã Thạch Bình	5	43	-	-	
	Thôn Phú An	2	28	-	-	
	Thôn Phú Ninh	3	15	-	-	
62	Xã Thành Vinh	193	626	-	-	
	Quyết Thắng	2	7	-	-	
	Thống Nhất	3	11	-	-	
	Tân Long	4	19	-	-	
	Lộc Phượng 1	5	19	-	-	
	Lộc Phượng 2	6	7	-	-	
	Bãi Cháy	7	8	-	-	
	Hồi Phú	8	10	-	-	
	Thôn Nghen	63	152	-	-	
	Thôn Đàm Hương	30	124	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thượng Quang	20	82	-	-	
	Minh Lộc	19	78	-	-	
	Minh Hải	21	85	-	-	
	Mặc Hèo	4	17	-	-	
	Thôn Minh Hải	1	7	-	-	
63	Xã Thạch Quảng	282	1.314	-	-	
	Thôn Biện	91	423	-	-	
	Thôn Dồi	84	401	-	-	
	Quảng Giang	56	268	-	-	
	Quảng Cư	10	40	-	-	
	Quảng Tân	14	64	-	-	
	Quảng Thắng	9	42	-	-	
	Thôn nghèo	18	76	-	-	
64	Xã Cẩm Thủy	771	2.828	1.230	4.839	
	Thôn Đại Quang	-	-	65	247	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hòa Bình	-	-	8	20	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Quang Trung	-	-	9	30	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Tân An	120	480	155	689	Nhà Văn hóa thôn và sân vận động xã
	Thôn Đại Đồng	-	-	78	295	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hoàng Giang	-	-	71	241	Khu Công an (Thị trấn Phong Sơn cũ)
	Thôn Gia Dụ	-	-	223	906	Trạm y tế, HTX dịch vụ Nông nghiệp khu ven đường Hồ Chí Minh cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Linh Thung	-	-	28	122	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Cửa Hà	210	706	70	245	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Dương Đình Huệ	84	264	30	100	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đồng Chạ	-	-	14	57	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Nghĩa Dũng	200	740	165	660	Nhà thờ giáo xứ Phong Ý
	Thôn Phong Ý	157	638	200	800	Trường tiểu học Cẩm Phong
	Thôn Tử Niêm	-	-	22	56	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Sóng	-	-	14	61	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Phúc Ngán Vải	-	-	17	73	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Kim	-	-	54	209	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Sành	-	-	7	28	Nhà Văn hóa thôn
65	Xã Cẩm Tú	96	479	-	-	
	Thôn Bắc Sơn	72	358	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Thái Học	2	11	-	-	
	Thôn Cẩm Hoa	22	110	-	-	
66	Xã Cẩm Vân	25	114	-	-	
	Thôn Yên Cư	6	27	-	-	
	Thôn An Tâm	15	70	-	-	
	Thành Công	2	9	-	-	
	Trung Chính	2	8	-	-	
67	Xã Cẩm Tân	38	138	-	-	
	Phúc Tân	6	19	-	-	
	Thái Long	7	34	-	-	
	Hoàng Thịnh	4	12	-	-	
	Hoàng Vĩnh	11	32	-	-	
	Phú Xuân	7	30	-	-	
	Tiến Long	3	11	-	-	
68	Xã Mậu Lâm	93	345	-	-	
	Thôn Phú Thượng 4	2	9	-	-	
	Thôn Phú Nhuận	4	16	-	-	
	Thôn Bái Gạo 2	1	1	-	-	
	Thôn Bái Gạo 1	1	6	-	-	
	Thôn Đồng Nghiêm	1	6	-	-	
	Thôn Khe Sinh	2	5	-	-	
	Thôn Đồng Xuân	8	33	-	-	
	Thôn Phú Quang	9	33	-	-	
	Thôn Đồng Mộc	2	5	-	-	
	Thôn Đồng Sinh	9	31	-	-	
	Thôn Thanh Sơn	10	29	-	-	
	Thôn Phú Sơn	44	171	-	-	
69	Xã Yên Thọ	-	-	3	13	
	Thôn Yên Xuân	-	-	2	9	Nhà VH thôn, các hộ gia đình đảm bảo an toàn
	Thôn Đồng Quốc	-	-	1	4	Nhà VH thôn, các hộ gia đình đảm bảo an toàn
70	Xã Thanh Kỳ	-	-	7	22	
	Thôn Thanh Trung	-	-	7	22	Nhà văn hóa thôn
71	Xã Xuân Thái	45	197	-	-	
	Thôn Đồng Cốc	7	26	-	-	Tại chỗ và các hộ gần nhà
	Thôn Làng Lúng	13	55	-	-	Tại chỗ và các hộ gần nhà

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Cây Nghĩa	12	53	-	-	Tại chỗ và các hộ gần nhà
	Thôn Đồng Lườn	10	48	-	-	Tại chỗ và các hộ gần nhà
	Thôn Yên Khang	3	15	-	-	Tại chỗ và các hộ gần nhà
72	Xã Như Xuân	28	129	-	-	
	Thôn Thanh Bình	7	46	-	-	
	Thôn Mai Thắng	8	31	-	-	
	Thôn Tân Lập	4	14	-	-	
	Thôn Trung Thành	3	13	-	-	
	Thôn Lúng	5	19	-	-	
	Thôn Xuân Thịnh	1	6	-	-	
73	Xã Hóa Quỳ	74	291	-	-	
	Thôn Thịnh Lạc	5	25	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Đồng Xuân	6	26	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Thanh Tân	1	5	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Xóm Chối	6	30	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Thanh Hương	31	103	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Xuân Hương	14	69	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Xuân Thành	11	33	-	-	Nhà Văn Hóa Thôn
74	Xã Thường Xuân	408	1.621	406	1.621	
	Thống nhất 2	6	20	6	20	Nhà văn hoá thôn
	Thôn 1	2	11	3	11	Nhà văn hoá thôn
	Thôn 5	8	31	8	31	Nhà văn hoá thôn
	Xuân Minh	6	21	3	21	Nhà văn hoá thôn
	Đồng Xuân	13	50	13	50	Nhà văn hoá thôn
	Tân Lập	16	62	16	62	Nhà văn hoá thôn
	Thống Nhất 3	14	41	14	41	Nhà văn hoá thôn
	Hưng Long	150	612	150	612	Nhà văn hoá thôn, điểm lẻ trường Hưng Long
	Thôn Thanh Cao	1	4	1	4	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Tiến Sơn 1	1	6	1	6	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Trung Chính	3	12	3	12	Nhà văn hoá thôn
	Hòa Lâm	66	232	66	232	Nhà văn hoá thôn, các hộ dân ở trên cao
	Xuân Thắng	45	211	45	211	Nhà văn hoá thôn
	Xuân Thịnh	41	164	41	164	Nhà văn hoá thôn, các hộ dân trên cao
	Thanh Xuân	5	22	5	22	Nhà văn hoá thôn
	Phú Vinh	18	80	18	80	Nhà văn hoá thôn

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Vụ Bản	13	42	13	42	Nhà văn hoá thôn
75	Xã Luận Thành	-	-	52	162	
	Thành Thắng	-	-	10	42	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Tiến Hưng2	-	-	32	84	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Vinh Quang	-	-	1	2	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Quyết Thắng 2	-	-	9	34	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
76	Xã Tân Thành	67	285	-	-	
	Thôn Thành Đơn	5	22	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Hạ	8	26	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lãm	2	9	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lợp	17	88	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lợi	6	23	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Năng	10	43	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Chiềng	11	38	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Nhàng	8	36	-	-	Nhà văn hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
77	Xã Thắng Lợi	1	4	6	25	
	Thôn Xem Đót	1	4	-	-	
	Thôn Dín	-	-	6	25	
78	Xã Xuân Chinh	61	233	-	-	
	Thôn Chẻ Dài	26	65	-	-	
	Thôn Lẹ Tà	3	13	-	-	
	Thôn Liên Sơn	2	9	-	-	
	Thôn Bàn Tạn	2	7	-	-	
	Thôn Bọng Năng	9	48	-	-	
	Thôn Đuông Bai	5	26	-	-	
	Thôn Giang	2	7	-	-	
	Thôn Chinh	9	47	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Tú Ấc	3	11	-	-	
79	Xã Lương Sơn	-	-	111	480	
	Thôn Ngọc Thượng	-	-	5	33	NVH thôn, các hộ khu vực cao liên
	Thôn Lương Thịnh	-	-	17	67	NVH thôn, Trường tiểu học 1
	Thôn Ngọc Sơn	-	-	11	44	NVH thôn , Hội trường đa năng xã.
	Thôn Lương Thiện	-	-	36	158	NVH thôn, các hộ khu vực cao liên
	Thôn Trung Thành	-	-	12	48	NVH thôn, các hộ khu vực cao liên
	Thôn Minh Quang	-	-	23	95	NVH thôn, các hộ khu vực cao liên
	Thôn Minh Ngọc	-	-	7	35	NVH thôn, các hộ khu vực cao liên
80	Xã Vạn Xuân	55	239	46	201	
	Thôn Thác Làng	3	9	-	-	
	Thôn Công Thương	8	50	10	67	Nhà văn hóa thôn Bù Đồn
	Thôn Bù Đồn	6	25	3	13	Nhà văn hóa thôn Bù Đồn
	Thôn Lùm Nưa	17	70	20	70	Trường tiểu học
	Thôn Cang Khên	3	8	5	17	Trường tiểu học
	Thôn Nhòng	4	19	-	-	
	Thôn Quạn	6	20	4	14	Nhà văn hóa thôn Quạn
	Thôn Khăm	2	8	-	-	
	Thôn Hang Cáu	6	30	4	20	Nhà văn hóa Hang Cáu
81	Xã Ngọc Lặc	489	1.914	-	-	
	Thôn Lê Lai	6	38	-	-	
	Thôn Trần Phú	4	18	-	-	
	Thôn Lương Sơn	3	15	-	-	
	Thôn Lê Hoàn	4	16	-	-	
	Thôn 1 Quang Trung	2	8	-	-	
	Thôn Xuân Sơn	72	280	-	-	
	Thôn Hồng Sơn	14	52	-	-	
	Thôn 1 Ngọc Khê	83	320	-	-	
	Thôn Lê Duẩn	119	476	-	-	
	Thôn Tran	39	156	-	-	
	Thôn Cao Thượng	26	114	-	-	
	Thôn Cao Xuân	3	10	-	-	
	Thôn Nguyễn Du	4	15	-	-	
	Thôn Ngọc Sơn	91	320	-	-	
	Thôn Lê Thánh Tông	3	11	-	-	

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Thôn Cao Phong	1	5	-	-	
	Thôn Tân Thành	15	60	-	-	
82	Xã Thạch lập	37	123	21	60	
	Thôn Thuận Hòa	25	85	15	45	Nhà văn hóa thôn Thuận Hòa
	Thôn Lương Thiện	12	38	6	15	Nhà văn hóa thôn Lương Thiện
83	Xã Kiên Thọ	49	227	-	-	
	Thôn Minh Lải	6	38	-	-	
	Làng Cốc	4	18	-	-	
	Làng Chu	3	15	-	-	
	Làng Thượng	4	16	-	-	
	Làng Miềng	2	8	-	-	
	Thôn Thống Nhất	10	42	-	-	
	Làng 11	12	53	-	-	
	Thôn Kiên Minh	1	6	-	-	
	Thôn Đức Thịnh	2	8	-	-	
	Thôn Xuân Thành	5	23	-	-	
84	Xã Ngọc Liên	33	100	33	100	
	Cao Thắng	3	13	3	13	Các nhà có vị trí cao hơn, an toàn hơn.
	Cao Sơn	5	18	5	18	Các nhà có vị trí cao hơn, an toàn hơn.
	Cao Khánh	23	66	23	66	Các nhà có vị trí cao hơn, an toàn hơn.
	Thôn 7	2	3	2	3	Các nhà có vị trí cao hơn, an toàn hơn.
85	Xã Linh Sơn	-	-	44	181	
	Chiềng Trãi	-	-	44	181	Trường tiểu học Linh Sơn, Bệnh viện đa khoa
86	Xã Văn Phú	10	48	-	-	
	Bản Lót	3	15	-	-	
	Bản Cắm	7	33	-	-	
87	Xã Giao An	23	92	-	-	
	Thôn Chiềng Nang	3	11	-	-	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Chiềng Lăn	3	10	-	-	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Ang	14	59	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Nghiu Tọt	3	12	-	-	Nhà người thân, hàng xóm
88	Xã Bá Thước	225	905	-	-	
	Thôn La Hán	47	194	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Phố 1 Lâm Xa	38	152	-	-	Nhà hàng Tuyết Huy
	Phố 2 Lâm Xa	66	264	-	-	Trung tâm GDTT

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Khu phố Vận Tải	10	37	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Khu phố Sán	6	24	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Khu phố Mốt	3	10	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Khu phố Đăm	9	29	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Khu phố 5	1	6	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Xuân Long	3	12	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Anh Vân	5	20	-	-	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiềng Ai	37	157	-	-	Nhà văn hóa thôn
89	Xã Thiết Ống	38	140	11	41	
	Thôn Cốc	4	16	-	-	
	Phố Bá Lộc	5	22	-	-	
	Phố Đồng Tâm 3	2	12	-	-	
	Thôn Suội	2	6	-	-	
	Thôn Khung	2	6	-	-	
	Phố Đồng Tâm 2	8	27	-	-	
	Thôn Quyết Thắng	6	18	-	-	
	Thôn Luồng	-	-	11	41	Trường Cấp 2 Thiết Kế
	Thôn Cha	2	9	-	-	
	Thôn Sặng	1	5	-	-	
	Thôn Liên Thành	6	19	-	-	
90	Xã Văn Nho	-	-	1	6	
	Thôn Kháng	-	-	1	6	Hội trường thôn Kháng
91	Xã Điện Lư	65	285	77	353	
	Cộc Ngán	-	-	1	4	Nhà hàng xóm
	Thôn Côn	-	-	16	83	Nhà hàng xóm
	Điện Giang	6	27	16	62	Nhà hàng xóm
	Điện Lý	5	18	-	-	
	Thôn Giỏi	-	-	3	12	Nhà hàng xóm
	Thôn Kéo	-	-	5	32	Hội trường thôn
	Thôn Mỹ	17	68	-	-	
	Rầm Tám	24	109	22	101	Nhà hàng xóm
	Thôn Triu	-	-	8	36	Hội trường thôn
	Thôn Vèn	13	63	2	7	Nhà hàng xóm
	Thôn Xịa	-	-	1	5	Nhà hàng xóm
	Thôn Trênh	-	-	3	11	Nhà hàng xóm

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
92	Xã Quý Lương	38	114	52	205	
	Thôn Trung Thủy			26	107	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Quang Trung	38	114	17	62	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Sơ Thủy			9	36	Nhà văn hóa thôn
93	Xã Hồi Xuân	-	-	27	113	
	Thôn Hồi Xuân	-	-	27	113	Trường học, trụ sở Công an xã Hồi Xuân (cũ)
94	Xã Thiên Phú	1	4	-	-	
	Bản Sài	1	4	-	-	Nhà văn hóa bản Sài
95	Xã Phú Lệ	-	-	1	3	
	Bản Chiềng	-	-	1	3	Nhà văn hóa bản Chiềng
96	Xã Trung Thành	7	31	-	-	
	Bản Sơn Thành	7	31	-	-	Nhà văn hóa bản Sơn Thành
97	Xã Trung Hạ	-	-	65	257	
	Bản Tong	-	-	3	12	Nhà văn hóa bản
	Bản Din	-	-	1	5	Nhà người quen trong bản
	Bản Chiềng Xây	-	-	25	100	Nhà văn hóa bản
	Bản Pọng	-	-	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lằm	-	-	3	16	Nhà văn hóa bản
	Bản La	-	-	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Cạn	-	-	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Phú Nam	-	-	8	24	Nhà người quen trong bản
	Bản Xanh	-	-	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lợi	-	-	3	15	Nhà người quen trong bản
	Bản Phụn	-	-	1	4	Nhà văn hóa bản
	Bản Bá	-	-	1	2	Nhà người quen trong bản
	Bản Xây	-	-	4	10	Nhà văn hóa bản
	Bản Lốc	-	-	2	11	Nhà văn hóa bản
98	Xã Tam Thanh	-	-	35	96	
	Bản Bôn	-	-	2	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Kham	-	-	5	6	Nhà Văn hóa bản
	Bản Phe	-	-	5	18	Nhà Văn hóa bản
	Bản Cha Lung	-	-	4	11	Nhà Văn hóa bản
	Bản Ngàm	-	-	4	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Na Ấu	-	-	4	12	Nhà Văn hóa bản

		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
	Bản Pa	-	-	5	14	Nhà Văn hóa bản
	Bản Mò	-	-	6	17	Nhà Văn hóa bản
99	Xã Mường Chanh	7	28	-	-	
	Bản Chai	4	16	-	-	Trạm y tế xã
	Bản Piềng Tật	3	12	-	-	Nhà văn hóa bản

**Phụ lục 6: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA LŨ QUÉT, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
NĂM 2026**
(Chi tiết đến thôn)

*(Áp dụng cho các xã thuộc vùng: Triệu Sơn, Thọ Xuân, Thạch Thành, Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Cẩm Thủy,
Lang Chánh, Ngọc Lặc, Bá Thước, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát trước đây)*

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG	1938	8222	
1	Xã Sao Vàng	35	161	
	Thôn Cửa Trát	1	5	NVH thôn Cửa Trát
	Thôn 12	5	21	NVH thôn 12
	Thôn Đồng Cốc	8	42	NVH thôn 12
	Thôn Đồng Luồng	14	71	NVH thôn Đồng Luồng
	Thôn Ba Ngọc	6	18	NVH thôn Ba Ngọc
	Thôn Làng Sung	1	4	NVH thôn Làng Sung
2	Xã Thọ Lập	51	204	
	Thôn Hiệp Lực	41	166	Nhà Văn hóa thôn Hiệp Lực
	Thôn 12	10	38	Nhà Văn hóa thôn 12
3	Xã Thạch Bình	14	55	
	Thôn Xuân Tiến	8	32	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thạch Yển	4	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Tiến	2	8	Nhà văn hóa thôn
4	Xã Thành Vinh	171	714	
	Thôn Cẩm Bộ	62	287	Núi Côi
	Thôn Sồi Cốc	102	398	Đồi Đình
	Lệ Cẩm 2	2	9	Nhà Văn Hóa
	Đồng Thành	5	20	Nhà Văn Hóa
5	Xã Thạch Quảng	106	492	
	Thôn Biện	37	177	
	Thôn Đồi	35	172	
	Thôn Nghéo	18	76	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Thống nhất	9	40	
	Tượng Liên	2	7	
	Nội Thành	5	20	
6	Xã Xuân Du	46	206	
	Thôn 2	2	5	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mỏ 1	2	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mỏ 2	5	20	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản Đông	5	19	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản Chanh	5	22	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bái Đa 1	3	14	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bái Đa 2	4	20	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bãi Hung	4	22	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Tâm	1	5	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Kha Xanh	2	9	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Phong	8	37	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cộng Thành	5	23	Nhà văn hóa thôn
7	Xã Xuân Thái	26	103	
	Thanh Xuân	4	12	Nhà văn hóa thôn và các hộ dân ở gần
	Quảng Đại	2	9	Nhà văn hóa thôn và các hộ dân ở gần
	Ba Bái	3	9	Nhà văn hóa thôn và các hộ dân ở gần
	Đồng Cốc	17	73	Nhà văn hóa thôn và các hộ dân ở gần
8	Xã Thanh Quân	16	68	
	Thôn Chiêng Cà	5	23	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Tiên	4	18	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Lau Quán	4	16	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Nhân	3	11	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân
9	Xã Thượng Ninh	5	23	
	Thôn Cát Thịnh	5	23	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân
10	Xã Xuân Bình	27	110	
	Thôn Thanh Niên	5	21	
	Thôn Xuân Khánh	11	45	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Thôn Cầu	4	13	
	Thôn 6	2	9	
	Thôn 7	5	22	
11	Xã Thanh Phong	3	12	
	Thôn Chạng Vung	1	4	Nhà văn hóa
	Thôn Tân Phong	2	8	Nhà văn hóa
12	Xã Thường Xuân	9	38	
	Thôn Tiến Sơn 1	9	38	Nhà văn hóa thôn
13	Xã Luận Thành	7	26	
	Thành Tiến	1	5	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Quyết Thắng 1	2	6	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Thành Thắng	4	15	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
14	Xã Tân Thành	16	68	
	Thôn Yên Mỹ	7	28	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Nhàng	1	4	Khu đồi QH Nhà VH thôn
	Thôn Kha	1	4	Nhà Lương văn Tùm
	Thôn Mơ Thắm	2	6	Nhà người nhà, nhà hàng xóm.
	Thôn Buồng	2	9	Trường MN lẻ
	Thôn Chiềng	1	7	Nhà Lang Văn Cường
	Thôn Ngọc Trà	2	10	Nhà người nhà, nhà hàng xóm.
15	Xã Thắng Lợi	51	220	
	Thôn Tân Thắng	12	56	
	Thôn Tân Thọ	5	20	
	Thôn Tú	6	18	
	Thôn Xương	15	73	
	Thôn Ớn	6	30	
	Thôn Cộc	7	23	
16	Xã Xuân Chinh	34	179	
	Thôn Chẽ Dài	10	65	
	Thôn Lẹ Tà	3	13	
	Thôn Liên Sơn	2	9	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Thôn Bọng Nàng	9	48	
	Thôn Đuông Bai	5	26	
	Thôn Giang	2	7	
	Thôn Tú Ấc	3	11	
17	Xã Lương Sơn	79	190	
	Lương Thịnh	19	88	
	Lương Thiện	46	58	
	Minh Quang	8	22	
	Minh Ngọc	6	22	
18	Xã Bát Mọt	70	231	
	Thôn Phổng	15	55	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiềng	15	52	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cạn	20	64	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ruộng	20	60	Nhà văn hóa thôn
19	Xã Cẩm Thủy	15	67	
	Thôn Đại Quang	6	30	Nhà văn hóa thôn cách khoảng 300m
	Thôn Linh Thung	9	37	Nhà văn hóa thôn cách khoảng 200m
20	Xã Cẩm Thạch	141	724	
	Thôn Trảy	6	28	Về khu gò mả thôn Bẹt cách 340m
	Thôn Bẹt	98	496	Về khu gò mả thôn Bẹt cách 140m
	Thôn Thung	31	168	Về khu chân núi đá sau khu dân cư cách 50m
	Thôn Chiềng Đông	6	32	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách từ 40-160m
21	Xã Linh Sơn	71	298	
	Chiềng Trãi	44	181	Trường tiểu học Linh Sơn, BV đa khoa
	Bản Hắc	19	84	Nhà văn hóa bản Hắc
	Bản Ến	8	33	Nhà văn hóa bản Ến
22	Xã Đồng Lương	10	44	
	Thôn Chạc Rạnh	4	21	Nhà văn hóa thôn Chạc Rạnh
	Thôn Tân Bình	6	23	Nhà văn hóa thôn Tân Bình
23	Xã Văn Phú	45	191	
	Bản Ngày	3	14	Trường Mầm Non

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Bản Buốc	3	11	Nhà ông Tiến (Kiệm)
	Bản Lọng	31	132	Xen ghép trong bản
	Bản Lót	2	9	Xen ghép trong bản
	Bản Phá	5	22	Xen ghép trong bản
	Bản Tiến	1	3	Xen ghép trong bản
24	Xã Giao An	4	17	
	Thôn Chiềng Nang	4	17	Nhà văn hóa thôn, nhà người thân, hàng xóm
25	Xã Thạch lập	9	37	
	Thôn Thuận Sơn	5	20	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đô Sơn	4	17	Nhà văn hóa thôn
26	Xã Thiết Ống	1	7	
	Thôn Đô	1	7	Nhà VH thôn
27	Xã Văn Nho	6	25	
	Thôn Tổ Lè	1	4	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Pọng	2	7	Trường Tiểu học Văn Nho
	Thôn Chiềng Mới	1	4	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Cha Kỷ	2	10	Hội trường thôn, hộ dân khác
28	Xã Quý Lương	21	82	
	Thôn Chông	1	2	Nhà văn hoá thôn
	Trung Thành	2	9	Nhà văn hoá thôn
	Quang Trung	8	30	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Ben	2	8	Nhà dân
	Thôn Trần	7	31	Nhà dân
	Thôn Công	1	2	Nhà văn hoá thôn
29	Xã Cổ Lũng	6	26	
	Thôn Hìn	1	5	Hội trường thôn
	Thôn Nửa	5	21	Hội trường thôn
30	Xã Pù Luông	2	9	
	Thôn Nông Công	1	5	Nhà người thân
	Thôn Niêm Thành	1	4	Nhà người thân
31	Xã Hồi Xuân	32	137	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Thôn cốc	5	24	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Hồi Xuân	27	113	Trường tiểu học Hồi Xuân, trụ sở Công an cũ xã Hồi Xuân
32	Xã Thiên Phú	31	154	
	Bản Lở	26	133	Nhà văn hoá và Khu tái định cư số 01 bản Lở
	Bản Háng	1	3	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
	Bản Sắng	3	12	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
	Bản Khương Làng	1	6	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
33	Xã Hiền Kiệt	20	83	
	Bản Poọng 2	2	10	Nhà Văn hoá bản
	Bản San	2	9	Nhà dân
	Bản Pheo	16	64	Nhà Văn hoá bản
34	Xã Phú Lệ	60	238	
	Bản Hang	3	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Đuóm	3	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Sại	1	2	Nhà văn hóa bản
	Bản Khoa	15	63	Nhà văn hóa bản
	Bản Tai Giác	23	92	Nhà văn hóa bản
	Bản Ôn	14	50	Nhà văn hóa bản
	Bản Chiềng	1	3	Nhà văn hóa bản
35	Xã Trung Thành	192	844	
	Bản Sạy	47	236	Khu tái định cư Sạy 1
	Bản Tang 2	37	145	Nhà văn hóa bản và các hộ dân Khu tái định cư Tang 1
	Bản Chiềng	13	55	Nhà văn hóa bản
	Bản Tiến Thắng	57	233	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
	Bản Bai	31	144	Nhà văn hóa bản và các hộ dân ở khu vực an toàn cao
	Bản Bưóc	7	31	Nhà văn hóa bản
36	Xã Phú Xuân	30	134	
	Tân Sơn	5	17	Nhà Văn hóa bản, các hộ trong bản
	Bản Vui	6	32	Nhà Văn hóa bản, các hộ trong bản

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Bản Pan	5	26	Nhà Văn hóa bản
	Bản Giá	6	25	Các hộ trong bản
	Bản Mí	6	28	Các hộ trong bản
	Bản Phé	2	6	Nhà Văn hóa bản
37	Xã Trung Sơn	7	31	
	Bản Ta Bán	3	13	Nhà văn hóa thôn/bản
	Bản Chiềng	2	7	Nhà dân
	Bản Pạo	2	11	Nhà dân
38	Xã Quan Sơn	29	101	
	Bản Bách	4	13	Nhà Văn hóa bản Bách
	Bản Bôn	6	25	Nhà Văn hóa bản Bôn
	Bản Ngàm	3	8	Nhà Văn hóa bản Ngàm
	Bản Máy	4	15	Nhà Văn hóa bản Máy
	Bản Bàng	6	16	Nhà Văn hóa bản Bàng
	Khu Phố Hao	4	17	Nhà Văn hóa khu phố Hao
	Khu phố Hẹ	2	7	Nhà Văn hóa khu phố Hẹ
39	Xã Trung Hạ	65	257	
	Bản Tong	3	12	Nhà văn hóa bản
	Bản Din	1	5	Nhà người quen trong bản
	Bản Chiềng Xầy	25	100	Nhà văn hóa bản
	Bản Pọng	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lâm	3	16	Nhà văn hóa bản
	Bản La	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Cạn	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Phú Nam	8	24	Nhà người quen trong bản
	Bản Xanh	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lợi	3	15	Nhà người quen trong bản
	Bản Phụn	1	4	Nhà văn hóa bản
	Bản Bá	1	2	Nhà người quen trong bản
	Bản Xầy	4	10	Nhà văn hóa bản
	Bản Lốc	2	11	Nhà văn hóa bản
40	Xã Sơn Thủy	8	32	
	Bản Muống	8	32	Nhà văn hóa

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
41	Xã Sơn Điện	112	399	
	Bản Tân Sơn	3	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Nhài	8	30	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Nhịu	8	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Lộc	5	22	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Ngàm	5	28	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Sa Mang	34	171	Khu vực sơ tán tập trung của bản
	Bản Ban	5	30	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Bun	2	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Hồ	1	4	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Xuân Sơn	41	81	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
42	Xã Mường Mìn	54	263	
	Bản Yên	49	245	Nhà văn và các hộ bản Yên ngoài
	Bản Bon	5	18	Các hộ anh em Trong bản Bon
43	Xã Tam Thanh	35	96	
	Bản Bôn	2	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Kham	5	6	Nhà Văn hóa bản
	Bản Phe	5	18	Nhà Văn hóa bản
	Bản Cha Lung	4	11	Nhà Văn hóa bản
	Bản Ngàm	4	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Na Ấu	4	12	Nhà Văn hóa bản
	Bản Pa	5	14	Nhà Văn hóa bản
	Bản Mò	6	17	Nhà Văn hóa bản
44	Xã Mường Lát	18	77	
	Thôn Đoàn kết	3	10	Trong bản
	Thôn Chiên Pục	1	5	Trong bản
	Thôn na Khả	1	4	Trong bản
	Thôn Tén Tăn	13	58	Trong bản
45	Xã Mường Chanh	32	159	
	Bản Cang	6	34	Trong bản
	Bản Bống	2	7	Trong bản
	Piêng Tặt	4	14	Trong bản
	Bản Chai	8	33	Trong bản

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
	Bản Ngổ	11	66	Trong bản
	Bản Lách	1	5	Trong bản
46	Xã Tam Chung	6	23	
	Bản Ón	2	9	Trong bản
	Bản Tân Hương	4	14	Trong bản
47	Xã Pù Nhi	3	22	
	Bản Cơm	2	16	Nhà người thân
	Bản Cá Tóp	1	6	Nhà người thân
48	Xã Nhi Sơn	72	377	
	Bản Lốc Há	12	49	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
	Bản Cật	2	10	Nhà trường mầm non hoặc người thân
	Bản Pá Hộc	7	35	Nhà Văn hoá bản hoặc người
	Bản Chim	3	16	Nhà người thân khu tái định cư
	Bản Kéo Hượn	6	33	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
	Bản Kéo Té	42	234	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
49	Xã Mường Lý	25	124	
	Bản Ún	9	35	Trường Tiểu học Tây Tiến
	Bản Xì Lò	11	69	Điểm Trường Tiểu học Tây Tiến (Xì Lò)
	Bản Trung Tiến	5	20	NVH bản
50	Xã Trung Lý	10	44	
	Bản Co Cài	10	44	Trạm Y tế

Phụ lục 7: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SẠT LỞ ĐẤT, TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2026

(Chi tiết đến thôn)

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG	7.115	30.023	
1	Phường Trúc Lâm	7	33	
	TDP Văn Sơn	1	2	Nhà con trai TDP Văn Sơn
	TDP Trung Sơn	6	31	Nhà văn hóa TDP Trung Sơn
2	Phường Quang Trung	166	617	
	Tổ dân phố 3	52	203	Trường Mầm non Quang Trung
	Tổ dân phố 5	32	118	Trường Mầm non Quang Trung
	Tổ dân phố 3 Ngọc Trạo	15	52	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 11 Ngọc Trạo	12	34	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 13 Ngọc Trạo	15	54	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 14 Ngọc Trạo	5	21	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 2 Bắc Sơn	6	23	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 5 Bắc Sơn	9	37	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 8 Bắc Sơn	5	20	Nhà văn hoá tổ dân phố
	Tổ dân phố 12 Bắc Sơn	15	55	Nhà văn hoá tổ dân phố
3	Xã Nga Thắng	177	588	
	Thôn G.Uẩn	1	3	Trường THCS Nga Phượng 2
	Thôn Vân Hoàn	4	16	Trường THCS Nga Phượng 2
	Thôn Báo Văn	1	2	Trường THCS Nga Phượng 2
	Thôn Hội Kê	1	2	Trường THCS Nga Phượng 2
	Thôn 6 Thanh Lãng	103	350	Trường THCS Nga Thạch
	Thôn 3 Hậu Trạch	35	122	Trường tiểu học Nga Thạch
	Thôn 4 Hậu Trạch	32	93	Trường tiểu học Nga Thạch
4	Xã Triệu Lộc	163	443	
	Thôn Gia Lương	5	34	Xen ghép với nhà người thân
	Thôn Sơn Thượng	12	59	Xen ghép với nhà người thân
	Thôn Đại Sơn	18	80	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Phú Lý	95	132	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bùi	8	35	Xen ghép với nhà người thân

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Thị Trang	8	30	Xen ghép với nhà người thân
	Thôn Xuân Hội	17	73	Nhà văn hóa thôn
5	Xã Hoa Lộc	40	135	
	Thôn 5	6	18	Nhà văn hoá thôn 5
	Thôn Hiễn Vinh	25	87	Nhà văn hoá thôn Hiễn Vinh
	Thôn Quang Sơn	5	17	Nhà văn hoá thôn Quang Sơn
	Thôn Bạch Yên Sơn	4	13	Nhà văn hoá thôn Bạch Yên Sơn
6	Xã Hà Trung	140	495	
	Thôn Nhân Lý	60	200	Nhà thi đấu TDTT
	Thôn Kim Sơn	4	17	Công ty Mạnh Phú
	Thôn Đồng vườn	15	45	Khu trường THCS Hà Ngọc
	Thôn kim quan sơn	5	15	Khu Trường tiểu học Hà Ngọc
	Thôn Đông Ninh	5	20	Sân vận động BCH QS xã
	Thôn Phú Nham	50	195	Công sở BCH QS xã
	Thôn Đường Cát	20	60	Trường Tiểu học Hà Ninh
	Thôn Tây Ninh	20	65	Trường Tiểu học Hà Ninh
	Thôn Bình Lâm	27	86	Công sở Hà Lâm cũ, trường THCS Hà Lâm
	Thôn Chuế Cầu	10	35	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đắc Cốc	4	17	Nhà Văn hóa thôn
7	Xã Tống Sơn	117	489	
	Quan Trương	8	30	Nhà văn hóa thôn
	Nam thôn	1	1	Nhà văn hóa thôn
	Bái Sậy	20	70	Nhà văn hóa thôn
	Hương Đạm	2	6	Nhà văn hóa thôn
	Vĩnh AN	3	15	Nhà văn hóa thôn
	Hà Hợp	5	35	Nhà văn hóa thôn
	Cầm Cường	5	21	Nhà văn hóa thôn
	Quý Tiến	8	27	Nhà văn hóa thôn
	Giang Sơn 9	14	69	Nhà văn hóa thôn
	Thanh Xá 1	4	21	Đình làng
	Thanh Xá 2	3	10	Nhà văn hóa thôn
	Thanh Xá 3	15	60	Nhà văn hóa thôn
	Tiên Hòa 4	29	124	Nhà văn hóa thôn
8	Xã Lĩnh Toại	157	567	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Ngọc Chuế 1	41	150	Trường THCS và hộ có nhà tầng
	Ngọc Chuế 2	33	99	Trường THCS và hộ có nhà tầng
	Phú Thọ	4	12	Trạm y tế và trường THCS
	Mậu Yên 1	3	13	Trạm y tế và trường THCS
	Cụ Thôn	28	102	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Đại Thắng	12	37	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thái Bình	6	25	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thái Tây	10	41	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thái Hòa	5	23	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thái Minh	15	65	Nhà văn hóa thôn và người thân
9	Xã Công Chính	364	1571	
	Thôn Hậu Sơn	140	610	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Sơn Thành	124	531	Trường học
	Thôn Cự Phú	100	430	Nhà văn hóa thôn, Trường học
10	Xã Thọ Bình	120	528	
	Thôn 3	4	21	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 4	9	34	Nhà văn hóa thôn 4
	Thôn 5	3	10	Nhà văn hóa thôn 5
	Thôn 6	6	33	Nhà văn hóa thôn 6
	Thôn 7	8	39	Nhà văn hóa thôn 7
	Thôn 8	6	21	Nhà văn hóa thôn 8
	Thôn 10	3	12	Nhà văn hóa thôn 10
	Thôn 12	5	19	Nhà văn hóa thôn 12
	Thôn 13	9	37	Nhà văn hóa thôn 13
	Thôn 14	19	76	Nhà văn hóa thôn 14
	Thôn 19	2	12	Nhà văn hóa thôn 19
	Thôn 20	6	18	Nhà văn hóa thôn 20
	Thôn 21	2	6	Nhà văn hóa thôn 21
	Thôn Bồn Dồn	15	66	Nhà văn hóa thôn Bồn Dồn
	Thôn Cây Xe	6	30	Nhà văn hóa thôn Cây Xe
	Thôn Thoi	7	31	Nhà văn hóa thôn Thoi
	Thôn Bao Lâm	4	42	Nhà văn hóa thôn Bao Lâm
	Thôn Đông Tranh	6	21	Nhà văn hóa thôn Đông anh
11	Xã Hợp Tiến	35	138	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Liên Châu	7	28	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Đồng Khanh	6	23	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn 1	5	20	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Đông Thành	9	36	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Châu Thành	3	11	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Sơn Hương	3	12	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
	Thôn Sơn Trung	2	8	Nhà văn hóa thôn, trường THCS; hoặc các hộ dân gần và an toàn nhất không bị ảnh hưởng.
12	Xã Xuân Hoà	46	152	
	Thôn Tứ Trụ	3	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hải Thành	10	38	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hải Mậu	27	81	Nhà văn hóa thôn, nhà cao tầng
	Thôn Kim Ốc	3	11	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thọ Khang	3	12	Nhà văn hóa thôn
13	Xã Sao Vàng	176	651	
	Thôn bàn Lai	7	26	NVH thôn Bàn Lai
	Thôn Đồng Luồng	10	46	NVH Thôn Đồng Luồng
	Thôn Ba Ngọc	15	45	NVH thôn Ba Ngọc
	Thôn Cửa Trát	1	2	NVH thôn Cửa Trát
	Thôn làng Sung	5	23	NVH thôn làng Sung
	Thôn Hồ Dăm	3	9	NVH thôn Hồ Dăm
	Thôn Làng Bài	15	45	NVH thôn Làng Bài
	Thôn Làng Pheo	16	50	NVH thôn Làng Pheo
	Thôn Tân Lập	80	345	HT UBND thị trấn Sao Vàng cũ
	Thôn 5	24	60	NVH thôn 5
14	Xã Lam Sơn	110	497	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn 7	47	245	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn 8	60	240	Trường tiểu học Thọ Xương
	Thôn 3	3	12	Nhà văn hóa thôn 3
15	Xã Thọ Lập	38	166	
	Thôn Hiệp Lực	38	166	Nhà văn hóa thôn Hiệp Lực
16	Xã Thiệu Hóa	80	278	
	Thôn xóm 1	3	12	Nhà văn hóa thôn xóm 1
	Mật thôn	26	110	Nhà văn hóa Mật Thôn, Trường THCS Mầm Non Thiệu Phúc
	Nguyên Sơn	2	2	nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Tân	1	1	nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Thành	1	1	nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Nguyên Thắng	1	1	nhà ở của hộ trong khu dân cư
	Đông Lỗ	42	145	Nhà văn hóa Đông Lỗ, Công sở cũ Thiệu Long
	Phú Lai	2	3	nhà văn hóa thôn Phú Lai
	Phú Hưng	2	3	nhà văn hóa thôn Phú Hưng
17	Xã Thiệu Trung	43	137	
	Khu Phố 7	35	113	Trường Mầm non và trường trung cấp nghề Hưng Đô
	Khu Phố 8	8	24	Trường Mầm non và trường trung cấp nghề Hưng Đô
18	Xã Định Tân	292	1243	
	Thôn Yên Hoà	65	293	Trường Mầm Non Định Tân
	Thôn Sét Thôn	68	272	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Trịnh Điện	57	257	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ái Thôn	67	268	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Yên Thôn	35	153	Nhà văn hóa thôn
19	Xã Tây Đô	10	42	
	Thôn Thổ Phụ	1	1	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Phú Lĩnh	6	24	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Tân Lập	3	17	Nhà Văn Hóa thôn
20	Xã Kim Tân	201	774	
	Lâm Thành	26	94	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	1 Tân Sơn	20	83	
	Ngọc Bồ	7	25	
	Thôn 6	27	83	
	Ngọc Nước	19	49	
	Định Thành	25	119	
	Chính Thành	14	35	
	Xuân Thành	8	35	
	Đa Dụn	18	87	
	Đự	13	63	
	Bùi	12	50	
	Vân Lương	4	16	
	Thọ Liêu	8	35	
21	Xã vân Du	42	177	
	Thôn Đồng Chư	7	32	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cát Thành	4	18	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ngọc Động	5	20	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hòa Sơn	21	86	Nhà văn hóa thôn
	Phủ Bản	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Đồng Phú	2	9	Nhà văn hóa thôn
22	Xã Thạch Bình	24	99	
	Thôn Thạch Môn	8	18	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thạch Yên	4	22	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cẩm Lợi 2	3	28	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Châu Sơn	7	24	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bằng Phú	2	7	Nhà văn hóa thôn
23	Xã Thành Vinh	75	297	
	Yên Sơn 1	6	25	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Yên Sơn 2	8	31	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Đồng Thành	14	36	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thành Tân	1	6	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Mục Long	10	45	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Luông	13	54	Nhà Văn hoá thôn
	Mặc Hèo	7	30	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Cẩm Bộ	15	62	Nhà Văn hoá thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Lệ Cẩm 2	1	8	Nhà Văn hoá thôn
24	Xã Thạch Quảng	48	231	
	Thôn Biện	5	23	
	Thôn Đồi	2	8	
	Thôn Nghéo	11	54	
	Đặng Thượng	6	25	
	Tượng Sơn	5	24	
	Tượng Liên	2	7	
	Quảng Giang	3	14	
	Nội Thành	13	70	
25	Xã Cẩm Thủy	44	185	
	Thôn Đại Quang	30	120	Nhà văn hóa TDP cách vị trí 500-600m
	Thôn Ngọc Sơn	3	13	Nhà văn hóa TDP cách vị trí 90m
	Thôn Kim	11	52	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 400m
26	Xã Cẩm Thạch	119	484	
	Thôn Chén	15	53	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 80m
	Thôn Chiềng Đông	6	32	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 25- 100m
	Thôn Thành Long	16	64	Chuyển về nhà các nhà Văn hóa thôn cách 100-150m
	Thôn Ngọc Dừng	4	16	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Xanh	7	23	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Chiềng Chanh	36	151	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 80m và anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Cánh Én	13	65	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 150m và anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Nậm Trộn	13	38	Chuyển về nhà anh em trong dòng họ lân cận
	Thôn Bình Yên	9	42	Chuyển về nhà văn hóa thôn cách vị trí 60m
27	Xã Cẩm Tú	6	23	
	Thôn Quý Tiến	3	10	Hộ dân nhà kiên cố gần nhất hoặc nhà văn hóa thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Bắc Sơn	3	13	Hộ dân nhà kiên cố gần nhất hoặc nhà văn hóa thôn
28	Xã Cẩm Tân	40	68	
	Phi Long	10	54	Người thân trong dòng họ
	Long Tiến	2	7	Người thân trong dòng họ
	Cao Long	28	7	Người thân trong dòng họ
29	Xã Xuân Du	163	753	
	Thôn 1	6	30	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	6	22	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3	12	58	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 4	4	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 6	3	13	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 7	3	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	3	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 11	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 12	10	38	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mố 1	28	145	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mố 2	33	152	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản Đông	7	27	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản Chanh	9	35	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bái Đa 2	5	19	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bãi Hưng	2	9	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Tâm	13	67	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Phong	16	88	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cộng Thành	1	7	Nhà văn hóa thôn
30	Xã Mậu Lâm	40	170	
	Thôn Cầu Hồ	1	2	
	Thôn Đồng Mọc	4	24	
	Thôn Bái Gạo 1	7	22	
	Thôn Phú Sơn	1	4	
	Thôn Đồng Bóp	16	64	
	Thôn Yên Thọ	8	42	
	Thôn Phú Sơn	3	12	
31	Xã Như Thanh	3	12	

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
32	Thôn Xuân Hóa	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Xã Xuân Thái	52	215	
	Quảng Đại	6	25	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
	Ba Bái	5	23	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
	Làng Lúng	14	62	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
	Cây Nghĩa	14	52	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
	Đồng Lườn	3	13	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
33	Đồng Cốc	10	40	Nhà văn hóa và các hộ ở gần
	Xã Như Xuân	58	285	
	Thôn Thanh Bình	5	25	Tại nhà Văn Hóa thôn Thanh Bình
	Thôn Tân Lập	4	18	Tại nhà Văn Hóa thôn Tân Lập
	Thôn Lúng	6	20	Tại nhà Văn Hóa thôn Lúng
	Thôn Cát Tiên	8	49	Tại nhà Văn Hóa thôn Cát Tiên
	Thôn Phú Quế	3	14	Tại nhà Văn Hóa thôn Phú Quế
34	Thôn Trung Thành	5	20	Tại nhà Văn Hóa thôn Trung Thành
	Thôn Xuân Thịnh	7	35	Tại nhà Văn Hóa thôn Xuân Thịnh
	Thôn Yên Thắng	20	104	Tại nhà Văn Hóa thôn Yên Thắng
	Xã Hóa Quỳ	70	281	
	Thôn Thịnh Lạc	5	23	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Liên Hiệp	6	31	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Đồng Xuân	6	22	Nhà Văn Hóa thôn
35	Thôn Xuân Thành	11	33	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Thanh Hương	31	103	Nhà Văn Hóa thôn
	Thôn Xuân Hương	11	69	Nhà Văn Hóa thôn
	Xã Thanh Quân	66	284	
	Thôn Ná Cà 1	17	66	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Lâu Quán	4	16	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Nhân	2	9	Nhà người thân
	Thôn Kẻ Mạnh	4	16	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Bình	4	14	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Đồng Sán	3	12	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Đồng Phổng	2	8	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Chiềng Cà	10	47	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Tân	8	42	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Thống Nhất	5	24	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Thanh Tiến	7	30	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
36	Xã Thượng Ninh	5	26	
	Thôn Phụ Vân	1	24	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Vân Hòa	4	2	Nhà Văn Hóa thôn, nhà người thân
37	Xã Xuân Bình	24	116	
	Thôn 6	8	38	
	Thôn Me	5	23	
	Thôn Mít	3	12	
	Thôn Xuân Hợp	3	17	
	Thôn Đồng Trinh	5	26	
38	Xã Thường Xuân	63	287	
	Thôn 1	3	12	Nhà văn hoá thôn Thống Nhất 1
	Thôn Xuân Thành	8	43	Nhà Văn hoá thôn Xuân Thành
	Xuân Minh	9	37	Nhà Văn hoá thôn Xuân Minh
	Thôn Tiến Sơn 1	31	140	Nhà Văn hoá thôn Tiến Sơn 1, các hộ dân không bị ảnh hưởng
	Quyết Tiến	5	20	Nhà Văn hoá thôn Quyết Tiến
	Thanh Xuân	7	35	Nhà Văn hoá thôn Thanh Xuân
39	Xã Luận Thành	33	149	
	Thôn Cao Tiến	9	46	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Hợp Nhất	5	20	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Liên Thành	9	38	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Tiến Hưng 2	7	30	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
	Sơn Minh	3	15	Nhà VH thôn+ Nhà người thân, hàng xóm
40	Xã Tân Thành	284	1303	
	Thôn Thành Đơn	15	60	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Hạ	18	87	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lãm	11	53	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Thượng	10	47	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Thành Sơn	29	145	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lợp	28	138	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lợi	7	28	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Lai	17	74	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Thành Nàng	9	36	Nhà Văn Hóa của thôn, trường học và các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Yên Mỹ	5	19	Nhà văn hóa thôn, trường tiểu học 1.
	Thôn Hún	35	162	Các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
	Thôn Ngọc Trà	39	185	Nhà văn hóa thôn; Khu trường TH khu lẻ
	Thôn Kha	7	37	Khu trường MN khu lẻ, các hộ gia đình có vị trí an toàn
	Thôn Nhàng	9	41	Khu đôi QH Nhà VH thôn
	Thôn Mơ Thắm	17	67	Nhà văn hóa thôn
	Thôn An Nhân	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Buồng	10	46	
	Thôn Chiềng	15	66	Các hộ gia đình có vị trí an toàn sen ghép tại thôn
41	Xã Thắng Lợi	200	859	
	Thôn Xem Đót	5	25	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Tân Thắng	8	31	Hội trường Công an xã; Nhà ông Vi Xuân Trường
	Thôn Tân Thọ	39	166	Nhà văn hóa thôn; Trường THCS Xuân Thắng; Nhà người dân, họ hàng.
	Thôn Tú	9	40	Trường Mầm non; Nhà người dân, họ hàng
	Thôn Xương	29	133	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Dín	28	106	Nhà văn hóa thôn; trường tiểu học; trường mầm non
	Thôn Ến	21	88	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Cộc	17	63	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Quế	18	83	Nhà văn hóa thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Vành	7	29	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Chiềng	5	25	Nhà người dân; nhà họ hàng
	Thôn Pà Cầu	14	70	Nhà người dân; nhà họ hàng
42	Xã Xuân Chinh	75	375	
	Thôn Chẻ Dài	5	27	
	Thôn Xuân Ngù	4	18	
	Thôn Lẹ Tà	13	68	
	Thôn Liên Sơn	4	19	
	Thôn Xuân Sơn	5	26	
	Thôn Bọng Nàng	9	48	
	Thôn Đuông Bai	7	33	
	Thôn Xuân Ngù	9	42	
	Thôn Hành	7	36	
	Thôn Giang	2	7	
	Thôn Tú Ấc	10	51	
43	Xã Lương Sơn	20	109	
	Thôn Lương Thịnh	7	39	NVH thôn, Trường tiểu học 1
	Ngọc Thượng	13	70	NVH thôn
44	Xã Bát Mọt	70	231	
	Thôn Phổng	15	55	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiềng	15	52	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cạn	20	64	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ruộng	20	60	Nhà văn hóa thôn
45	Xã Yên Nhân	320	1454	
	Thôn Khong	36	169	Nhà hàng xóm và Nhà văn hóa thôn
	Thôn My	68	339	Nhà hàng xóm và Nhà văn hóa thôn
	Thôn Na Nhịu	136	578	Nhà hàng xóm và Nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiềng	40	180	Nhà hàng xóm và Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mỏ	22	104	Nhà hàng xóm có vị trí an toàn hơn
	Thôn Lửa	18	84	Nhà hàng xóm và trạm kiểm lâm bản lửa, nhà văn hóa thôn
46	Xã Thạch lập	48	202	
	Thôn Hoa Sơn	20	80	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Tân Thành	6	20	Nhà Văn hóa thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Lương Ngô	3	16	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Thuận Sơn	10	50	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Lập Thắng	9	36	Nhà Văn hóa thôn
47	Xã Kiên Thọ	35	117	
	Làng Thượng	3	9	Nhà VH thôn
	Làng Cốc	4	10	Nhà VH thôn
	Làng Chu	3	12	Nhà VH thôn
	Làng Miềng	3	11	Nhà VH thôn
	Thôn Kiên Minh	5	16	Nhà VH thôn
	Làng 11	7	26	Nhà VH thôn
	Thành Sơn	4	11	Nhà VH thôn
	Thọ Liên	3	8	Nhà VH thôn
	Đức Thịnh	3	14	Nhà VH thôn
48	Xã Ngọc Liên	19	79	
	Thôn Điền Sơn	10	47	Đến nhà văn hóa thôn
	Thôn Kim Thủy	9	32	Đến nhà văn hóa thôn
49	Xã Nguyệt Ấn	34	133	
	Thôn Cao Sơn	12	42	Nhà VH thôn
	Thôn Vân Thịnh	6	22	Nhà VH thôn
	Thôn Âm	8	37	Nhà VH thôn
	Thôn Mết	8	32	Nhà VH thôn
50	Xã Linh Sơn	131	520	
	Thôn Nguyễn Trãi	34	132	Ổn định tại chỗ
	Bản Năng Cát	2	8	Ổn định tại chỗ
	Bản Cây	6	29	Ổn định tại chỗ
	Bản Hắc	19	84	TĐC tập trung tại bản
	Bản Giàng Vín	7	24	TĐC tập trung tại bản
	Bản En	8	33	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Chiêu Bang	14	48	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Trùng	6	18	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Phổng Bàn	12	48	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Ảng	7	29	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Chiềng Ban 1	5	22	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Chiềng Ban 2	2	8	TĐC tập trung tại bản

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Tiu	1	4	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Lê Lợi	1	5	TĐC tập trung tại bản
	Thôn Oi	7	28	TĐC tập trung tại bản
51	Xã Văn Phú	66	289	
	Bản Cháo Pi	19	92	Trường mầm non
	Bản Đôn	6	26	Hộ dân lân cận
	Bản Ngày	4	20	Hộ dân lân cận
	Bản Buốc	1	4	Trường Tiểu học
	Bản Tiến	4	12	Hộ dân lân cận
	Bản Tiên	13	56	Hộ dân lân cận
	Bản Lót	5	24	Hộ dân lân cận
	Bản Cấn	7	27	Hộ dân lân cận
	Bản Phá	4	16	Hộ dân lân cận
	Bản Cú Tá	3	12	Hộ dân lân cận
52	Xã Giao An	53	207	
	Thôn Bắc Nặm	2	10	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Ang	9	29	Nhà văn hóa thôn, người thân, hàng xóm.
	Thôn Chiềng Nang	2	10	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Pọng	4	18	Nhà văn hóa thôn, người thân, hàng xóm.
	Thôn Trô	2	10	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Chiềng Lăn	10	33	Nhà văn hóa thôn, người thân, hàng xóm.
	Thôn Khụ 1	9	25	Nhà người thân, hàng xóm
	Thôn Nghiu Tướt	10	52	Nhà văn hóa thôn, người thân, hàng xóm.
	Thôn Viên	4	17	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Khụ 2	1	3	Nhà người thân
53	Xã Yên Khương	74	317	
	Bản Yên Bình	5	20	Nhà Văn hóa thôn
	Bản Chiềng Nua	15	69	Nhà Văn hóa thôn
	Bản Xã	4	19	Nhà người thân, hàng xóm
	Bản Mé	3	11	Trường tiểu học, nhà người thân, hàng xóm
	Bản Giàng	6	27	Nhà Văn hóa thôn
	Bản Chí Lý Nặm Đanh	1	4	Nhà ông Hà Văn Ót
	Bản Xắng Hăng	40	167	Đồn Biên phòng Yên Khương; Trường tiểu học; Nhà văn hóa thôn

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
54	Xã Yên Thắng	62	279	
	Thôn Con	3	15	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Ngâm Pốc	14	50	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Yên Thành	1	4	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Vằn Trong	2	10	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Vằn Ngoài	3	10	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Vịn	7	38	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Vặn	32	152	Nhà Văn hóa thôn
55	Xã Bá Thước	32	134	
	Thôn Cả	9	37	Trường tiểu học Ban Thiết
	Thôn Tôm	4	18	Nơi ở an toàn hơn
	Thôn Chiềng Ai	1	6	Nhà Văn hóa thôn
	Khu phố Nú	2	10	Nhà Văn hóa thôn
	Phố 1 Lâm Xa	4	15	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Cò Mu	3	9	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Khiêng	4	12	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Môn Man	5	27	Nhà Văn hóa thôn
56	Xã Thiết Ống	68	314	
	Thôn Cốc	3	11	Nhà VH thôn
	Phố Bá Lộc	6	26	Nhà VH thôn
	Phố Đồng Tâm 2	25	110	Nhà VH thôn
	Thôn Quyết Thắng	9	41	Nhà VH thôn
	Thôn Chiềng	2	15	Nhà VH thôn
	Thôn Thiết Giang	2	11	Nhà VH thôn
	Thôn Luồng	9	45	Nhà VH thôn
	Thôn Cha	2	6	Nhà VH thôn
	Thôn Thành Công	2	8	Nhà VH thôn
	Thôn Chảy Ké	1	6	Nhà VH thôn
	Thôn Đô	7	35	Nhà VH thôn
57	Xã Văn Nho	110	508	
	Thôn Buốc	1	3	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Khả	12	40	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Pặt	10	44	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Hiềng	16	61	Hội trường thôn, hộ dân khác

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Bo Hạ	18	90	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Bo Thượng	5	19	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Tổ Lè	4	21	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Kình	5	25	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Chiềng Mới	6	27	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Chiềng Ấm	3	20	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Chuông Cải	2	12	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Kháng	7	38	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Cha Kỷ	5	31	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Pọng	1	2	Hội trường thôn, hộ dân khác
	Thôn Kéo Hiềng	15	75	Hội trường thôn, hộ dân khác
58	Xã Điện Quang	72	309	
	Thôn Chiềng Má	10	36	Hộ có nguy cơ sạt lở đá, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Xay Luồi	4	18	Hộ có nguy cơ sạt lở đá, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Thượng Sơn	5	23	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Đồi Muôn	6	23	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Khò	11	48	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Lùng	3	15	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Thành Điện	9	33	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Chiềng Mung	4	16	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Tam Liên	2	8	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Xăm	2	12	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
	Thôn Mười	13	59	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Hồ Quang	3	18	Hộ có nguy cơ sạt lở đất, Sơ tán đến nhà văn hóa thôn khi có mưa bão
59	Xã Điện Lư	36	146	
	Thôn Cò Lượn	19	69	Hội trường thôn
	Thôn Cón	4	17	Nhà hàng xóm
	Thôn Giỏi	3	13	Nhà hàng xóm
	Thôn Mé	1	6	Nhà hàng xóm
	Thôn Thung Tâm	3	12	Nhà hàng xóm
	Thôn Vèn	4	19	Nhà hàng xóm
	Thôn Xịa	2	10	Nhà hàng xóm
60	Xã Quý Lương	29	126	
	Thôn Giầu Cả	3	13	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Dàn Long	5	26	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Chông	1	5	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Ry	3	14	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Trần	5	16	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Ben	2	8	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Khai	1	4	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Ngọc Sinh	1	7	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Cốc Cáo	1	1	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Quang Trung	7	32	
61	Xã Cổ Lũng	127	526	
	Thôn Cao	20	81	Nhà Văn hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Nửa	5	19	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Trình	46	201	Nhà Văn hóa thôn, nhà người thân
	Thôn Sơn	1	3	Trường cấp I cũ
	Thôn Kịt	1	3	Nhà người thân
	Thôn Ấm Hiêu	25	107	Tự làm lán trại, ở nhà người thân
	Tén Mới	1	7	Nhà người thân
	La Ca	18	64	Nhà người thân
	Thôn Lọng	1	3	Nhà người thân
	Thôn Bó	9	38	
62	Xã Pù Luông	40	170	
	Thôn Eo Kén	1	4	Nhà người thân

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn Pà Ban	3	13	Nhà người thân
	Thôn Kho Mường	11	37	Khu Pòm Đôn
	Thôn Báng	6	23	Nhà Văn hóa, nhà người thân
	Thôn Nông Công	4	20	Nhà Văn hóa, nhà người thân
	Thôn Bầm	1	4	Nhà người thân
	Thôn Tân Thành	3	19	Nhà người thân
	Thôn Đồng	2	9	Nhà Văn hóa
	Thôn Niêm Thành	3	13	Nhà người thân
63	Thôn Bồng	6	28	Nhà người thân
	Xã Hồi Xuân	34	145	
	Thôn Mướp	3	13	Nhà Văn Hóa khu phố Mướp
	Thôn 5	7	30	Nhà Văn Hóa thôn 5
	Thôn 3	17	70	Nhà Văn Hóa thôn 3, nhà dân
	Thôn Cốc	5	24	Nhà văn hóa khu phố Cốc
	Bản Pọng-Kame	2	8	Nhà Văn hoá bản, nhà dân
64	Xã Thiên Phú	5	22	
	Bản Hàm	2	9	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
	Bản Bâu	3	13	Nhà văn hóa bản và gia đình người thân
65	Xã Hiền Kiệt	4	13	
	Bản Ho	1	3	Nhà Văn hoá bản
	Bản Pheo	3	10	Nhà Văn hoá bản
66	Xã Phú Lệ	97	389	
	Bản Tai Giác	45	202	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Đỏ	9	20	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Sại	25	99	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Khoa	1	1	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Đuồm	7	32	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Chiềng	4	13	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Tân Phúc	6	22	Nhà văn hóa và các hộ dân ở khu vực an toàn
67	Xã Trung Thành	192	844	
	Bản Tiến Thắng	57	233	Nhà VH và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Tang	37	145	Nhà VH và các hộ dân ở Khu TĐC Tang 1
	Bản Chiềng	13	55	Nhà VH và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Sạy	47	236	các hộ Khu TĐC Sạy 1

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Bản Bai	31	144	Nhà VH bản và các hộ dân ở khu vực an toàn
	Bản Bưóc	7	31	Nhà văn hóa bản
68	Xã Phú Xuân	111	503	
	Thu Đông	5	26	Nhà Văn hóa bản, các hộ trong bản
	Tân Sơn	5	17	Nhà Văn hóa bản, các hộ trong bản
	Bản Bá	13	52	Nhà Văn hóa bản
	Bản Vui	8	48	Các hộ trong bản
	Sa Lắng	15	62	Các hộ trong bản
	Bản Mỏ	16	73	Nhà Văn hóa bản
	Bản Éo	16	86	Nhà Văn hóa bản
	Bản Pan	5	26	Nhà Văn hóa
	Bản Giá	7	31	Trường Tiểu học
	Bản Mí	12	46	Nhà văn hóa bản
	Bản Phé	9	36	Nhà Văn hóa bản
69	Xã Trung Sơn	10	56	
	Bản Ta Bán	1	6	Nhà văn hóa thôn/bản
	Bản Chiềng	3	11	Nhà văn hóa thôn/bản, Nhà dân
	Bản Pạo	3	26	Nhà văn hóa thôn/bản
	Bản Bó	3	13	Nhà văn hóa thôn/bản
70	Xã Tam Lư	61	266	
	Bản Hát	3	13	
	Bản Tình	5	24	
	Bản Hậu	8	33	
	Bản Muống	2	7	
	Bản Sại	4	19	
	Khu Sỏi	5	23	
	Bản Nà Oí	5	27	
	Bản Hạ	9	37	
	Bản Nà Sáng	4	15	
	Bản Lầu	8	35	
	Bản Xum	7	29	
	Bản Làng	1	4	
71	Xã Quan Sơn	94	364	
	Bản Bách	15	56	Nhà Văn hóa bản Bách

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Bản Bôn	2	7	Nhà Văn hóa bản Bôn
	Bản Ngàm	5	22	Nhà Văn hóa bản Ngàm
	Bản Máy	8	28	Nhà Văn hóa bản Máy
	Bản Bàng	12	51	Nhà Văn hóa bản Bàng
	Khu phố 5	7	30	Trạm BVTV cũ
	Khu phố 2	4	18	Nhà Văn hóa khu phố 2
	Khu phố 1	2	8	Trạm y tế thị trấn cũ
	Khu phố Bon	10	38	Ở nhà người thân
	Khu phố Păng	3	10	Trụ sở UBND xã cũ
	Khu phố Hẹ	12	40	Trường Mầm Non khu Hẹ
	Khu phố Bìn	10	41	Nhà Văn hóa khu phố Bìn
	Khu phố Hao	4	15	Nhà người thân
72	Xã Trung Hạ	65	257	
	Bản Tong	3	12	Nhà văn hóa bản
	Bản Dìn	1	5	Nhà người quen trong bản
	Bản Chiềng Xầy	25	100	Nhà văn hóa bản
	Bản Pọng	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lâm	3	16	Nhà văn hóa bản
	Bản La	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Cạn	3	15	Nhà văn hóa bản
	Bản Phú Nam	8	24	Nhà người quen trong bản
	Bản Xanh	4	14	Nhà văn hóa bản
	Bản Lợi	3	15	Nhà người quen trong bản
	Bản Phụn	1	4	Nhà văn hóa bản
	Bản Bá	1	2	Nhà người quen trong bản
	Bản Xầy	4	10	Nhà văn hóa bản
	Bản Lốc	2	11	Nhà văn hóa bản
73	Xã Na Mèo	88	372	
	Bản Cha Khót	55	226	Khu Kang Phúng
	Bản Bo Hiềng	12	57	Nhà Văn Hóa bản Bo Hiềng
	Bản Sơn	18	80	NHà ông Tự, ông Mừng.
	Bản Na Mèo	3	9	Nhà văn hóa bản Na Mèo
74	Xã Sơn Thủy	80	349	
	Bản Mùa Xuân	12	59	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Bản Thủy Thành	35	168	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Chung Sơn	4	17	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Thủy Sơn	13	52	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Cóc	3	12	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Chanh	9	16	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Muồng	3	18	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
	Bản Xuân Thành	1	7	Nhà văn hóa thôn, Nhà người thân trong bản
75	Xã Sơn Điện	112	399	
	Bản Tân Sơn	3	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Nhài	8	30	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Nghịu	8	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Lộc	5	22	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Ngảm	5	28	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Sa Mang	34	171	Khu vực sơ tán tập trung của bản
	Bản Ban	5	30	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Bun	2	11	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Na Hồ	1	4	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
	Bản Xuân Sơn	41	81	Nhà văn hoá và gia đình anh em họ hàng
76	Xã Mường Mìn	46	191	
	Bản Chiềng	12	48	
	Bản Luốc Lầu	14	58	
	Bản Mìn	20	85	
77	Xã Tam Thanh	35	96	
	Bản Bôn	2	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Kham	5	6	Nhà Văn hóa bản
	Bản Phe	5	18	Nhà Văn hóa bản
	Bản Cha Lung	4	11	Nhà Văn hóa bản
	Bản Ngảm	4	9	Nhà Văn hóa bản
	Bản Na Ấu	4	12	Nhà Văn hóa bản
	Bản Pa	5	14	Nhà Văn hóa bản
	Bản Mò	6	17	Nhà Văn hóa bản
78	Xã Mường Lát	80	440	
	Thôn 2	2	7	Nhà người thân
	Thôn 3	1	4	Nhà người thân

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Thôn 4	16	61	Nhà người thân
	Thôn Tén Tần	12	59	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thôn Chiềng Cồng	6	26	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thôn Na Khả	23	190	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thôn Chiên Pục	4	20	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thôn Đoàn Kết	15	68	Nhà văn hóa thôn và người thân
	Thôn Piềng Mòn	1	5	Nhà văn hóa thôn và người thân
79	Xã Mường Chanh	37	185	
	Bản Ngổ	24	112	Nhà văn hoá bản
	Bản Lách	13	73	Nhà văn hoá bản
80	Xã Quang Chiêu	85	444	
	Bản Xim	6	26	Các nhà kiên cố.
	Bản Pù Đưa	51	273	Nhà văn hoá, trường học và nhà kiên cố.
	Bản Suối Tút	28	145	Các nhà kiên cố.
81	Xã Tam Chung	25	144	
	Suối Lóng	10	68	Tại nhà văn hoá bản và nhà người thân
	Cân	1	3	Tại nhà người thân
	Pom Khuông	7	38	Tại nhà người thân
	Bản Ôn	2	14	Tại Nhà Văn hóa bản và nhà người thân
	Bản Suối Phái	4	19	Tại Nhà Văn hóa bản và nhà người thân
	Bản Lát	1	2	Tại nhà người thân
82	Xã Pù Nhi	76	325	
	Bản Na Tao	41	174	Nhà người thân, Trường học, Trạm Y tế
	Bản Cơm	3	11	Nhà người thân
	Bản Pù Ngùa	10	48	Nhà người thân
	Bản Pù Quăn	5	21	Nhà người thân
	Bản Pù Toong	11	41	Nhà người thân
	Bản Cá Tóp	3	16	Nhà người thân
	Bản Hạ Sơn	3	14	Nhà người thân
83	Xã Nhi Sơn	72	377	
	Bản Lốc Há	12	49	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
	Bản Cật	2	10	Nhà trường mầm non hoặc người thân
	Bản Pá Hộc	7	35	Nhà Văn hoá bản hoặc người
	Bản Chim	3	16	Nhà người thân khu tái định cư

TT	Địa điểm	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
	Bản Kéo Hượn	6	33	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
	Bản Kéo Té	42	234	Nhà Văn hoá bản hoặc người thân
84	Xã Mường Lý	95	600	
	Bản Xa Lung	28	162	Nhà văn hóa bản
	Bản Xi Lô	18	112	Nhà Trường
	Bản Trung Thắng	49	326	Nhà Trường tiểu học+Mầm non
85	Xã Trung Lý	149	849	
	Bản Táo	6	32	Nhà văn hóa, Nhà người quen
	Bản Khăm 2	5	26	Nhà văn hóa
	Bản Khăm 1	3	14	Nhà văn hóa
	Bản Pá Quăn	6	27	Nhà văn hóa
	Bản Tà Cóm	3	17	Nhà người thân
	Bản Cánh Cộn	3	15	Nhà người thân
	Bản Ca Giáng	5	28	Nhà văn hóa
	Bản Lìn	5	22	Trường mầm non, trường tiểu học.
	Bản Pa Búa	7	34	Trường học
	Bản Nà Ôn	1	6	Trường học Nà Ôn
	Bản Ma Hác	42	250	Nhà văn hóa, trường tiểu học
	Bản Tung	63	378	Nhà văn hóa, trường mầm non, trường tiểu học.